

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 152 /TTr-UBND

Bắc Giang, ngày 03 tháng 7 năm 2019

TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG CỤC BỘ QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH BẮC GIANG ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung cục bộ Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, với một số nội dung như sau:

1. Sự cần thiết điều chỉnh quy hoạch:

Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 28/7/2015. Sau hơn 03 năm thực hiện, với sự quyết tâm, nỗ lực, cố gắng của cấp ủy, chính quyền các cấp, nhiều mục tiêu, nhiệm vụ quy hoạch đã được triển khai thực hiện và hoàn thành; kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh đã có sự chuyển biến tích cực, nhiều trục giao thông quan trọng đã và đang được tập trung đầu tư xây dựng (như: tuyến cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn, ĐT290, ĐT295, ĐT293, đường Vành đai IV, đường nối ĐT293 với cảng Mỹ An,...); GTNT có bước phát triển mang tính đột phá; hệ thống cảng thủy nội địa ngày càng được các nhà đầu tư quan tâm,... Kết cấu hạ tầng giao thông phát triển đã giúp cải thiện, nâng cao chất lượng vận tải, đóng góp tích cực vào kết quả thu hút đầu tư, nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng cuộc sống, qua đó đóng góp quan trọng vào kết quả phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và của tỉnh.

Với quan điểm tập trung tối đa mọi nguồn lực cho phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đi trước một bước để tạo tiền đề, động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Trong thời gian qua và những năm tới nhiều công trình giao thông đã, đang và sẽ được tập trung triển khai thực hiện. Để việc triển khai thực hiện các dự án đảm bảo phù hợp với quy hoạch và tuân thủ các quy định pháp luật, một số công trình cần bổ sung vào quy hoạch hoặc điều chỉnh thời gian thực hiện; một số công trình cần điều chỉnh hướng tuyến, quy mô để phù hợp với thực tế. Bên cạnh đó, do phong trào cứng hóa đường GTNT trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua phát triển mạnh (do kết quả của việc triển khai thực hiện Kết luận số 43-KL/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND, số 06/2018/NQ-HĐND của HĐND tỉnh) nên cần điều chỉnh lại tỷ lệ cứng hóa. Đồng thời, để định hướng phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn tiếp theo, làm cơ sở xem xét tích hợp vào quy hoạch tỉnh cần điều chỉnh, bổ sung một số nội dung quy hoạch về tầm nhìn đến năm 2030. Với các lý do trên, cần thiết phải điều chỉnh, bổ sung cục bộ Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh.

2. Căn cứ điều chỉnh, bổ sung cục bộ Quy hoạch:

- Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;
- Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;
- Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030;
- Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 10/7/2015 của HĐND tỉnh thông qua điều chỉnh Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;
- Kết luận số 104-KL/TU ngày 31/5/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Kết luận số 122-KL/TU ngày 01/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về một số nhiệm vụ trọng tâm trong quý IV/2018 và thời gian tới; Kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại Thông báo số 568-TB/TU ngày 29/5/2019.
- Tình hình và điều kiện thực tế hiện nay; nhu cầu và khả năng phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

3. Quan điểm và phạm vi điều chỉnh cục bộ Quy hoạch

a) *Quan điểm:* Theo Luật Quy hoạch, Quy hoạch phát triển giao thông vận tải là quy hoạch ngành và sẽ được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh; trong thời gian Quy hoạch tỉnh chưa được phê duyệt thì được tiếp tục thực hiện cho đến khi Quy hoạch tỉnh được phê duyệt theo quy định của Luật Quy hoạch. Do vậy, quan điểm điều chỉnh quy hoạch chủ yếu tập trung điều chỉnh, bổ sung cục bộ một số nội dung thực sự cấp thiết để đảm bảo tính pháp lý và điều kiện cho việc triển khai thực hiện một số dự án đã, đang và sẽ triển khai thực hiện trong thời gian tới.

b) Phạm vi điều chỉnh:

- Giai đoạn đến năm 2020: Điều chỉnh, bổ sung hướng tuyến, quy mô, giai đoạn đầu tư một số tuyến đường; bổ sung mới một số tuyến đường, công trình cầu; điều chỉnh tỷ lệ cứng hóa đường GTNT; bổ sung quy hoạch một số cảng thủy nội địa và tuyến đường kết nối các cảng với giao thông đường bộ.

- Giai đoạn đến năm 2030: Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung để định hướng khi nghiên cứu, xây dựng Quy hoạch tỉnh.

4. Nội dung điều chỉnh, bổ sung cục bộ Quy hoạch

4.1. Điều chỉnh, bổ sung cục bộ Quy hoạch đến năm 2020

4.1.1. Đường bộ.

a) Quốc lộ, cao tốc:

- Quốc lộ 17: Điều chỉnh cục bộ hướng tuyến đoạn Km72+800 - Km74+750 theo hướng mới đi thẳng, nối trực tiếp từ Km72+800 - Km74+750 (không sử dụng đoạn tuyến đường cũ).

- Tuyến kết nối cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn và Hà Nội - Thái Nguyên: Điều chỉnh thành tuyến kết nối cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên với QL37.

- Điều chỉnh, bổ sung hệ thống đường gom hai bên cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn (đi qua các huyện: Việt Yên, Yên Dũng, Lạng Giang và thành phố Bắc Giang) dài 78km; quy mô tối thiểu cấp III.

b) Đường tỉnh (các tuyến đường tỉnh hiện có):

- Đường tỉnh 298, 292, 290: Điều chỉnh quy mô từ cấp IV lên cấp III.

- Đường tỉnh 299: Điều chỉnh quy mô đoạn QL31 - Neo - Đồng Việt từ cấp IV lên cấp III; bổ sung cầu Đồng Việt kết nối sang tỉnh Hải Dương.

- Đường tỉnh 289: Điều chỉnh quy mô đoạn Chũ - Khuôn Thần từ cấp IV lên cấp III; bổ sung cầu Chũ mới.

- Đường tỉnh 288: Điều chỉnh quy mô đoạn Thăng - Gầm từ cấp IV lên cấp III.

- Đường vành đai IV: Điều chỉnh giai đoạn thực hiện xây dựng cầu vượt QL1 kết nối với khu công nghiệp Quang Châu từ sau năm 2020 về trước năm 2020; điều chỉnh hướng tuyến đoạn cuối tuyến đi qua Xuân Cẩm, kết nối với nút giao Bắc Phú huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

c) Điều chỉnh, bổ sung một số tuyến mở mới:

- Bổ sung tuyến Cảnh Thụy - Neo - Nham Sơn - Yên Lư, huyện Yên Dũng kết nối với đường khu công nghiệp Vân Trung, Quang Châu, đường Vành đai IV; chiều dài 17km, quy mô cấp III.

- Bổ sung tuyến kết nối QL31 - ĐT293 Lục Nam, dài 3,5km, quy mô cấp III.

- Bổ sung tuyến kết nối ĐT296 với đường vành đai IV huyện Hiệp Hòa, dài 7,6km, quy mô cấp IV.

- Bổ sung tuyến Dương Đức - Nghĩa Hưng - Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang (kết nối ĐT292 và ĐT295), dài 11 km, quy mô cấp III.

- Bổ sung tuyến kết nối ĐT298 đến đường vành đai IV (qua địa bàn Hoàng Ninh, Quảng Minh, Trung Sơn) huyện Việt Yên, dài 7km, quy mô cấp III.

- Bổ sung tuyến kết nối ĐT293 - cảng Mỹ An - QL31, huyện Lục Nam và Lục Ngạn, dài 10km, quy mô cấp III và xây dựng cầu mới vượt sông Lục Nam.

- Điều chỉnh tuyến Tam Dị (Lục Nam) - Đông Hưng - Chũ (Lục Ngạn) thành tuyến Tam Dị - Đông Hưng (Lục Nam) - Quý Sơn - Hồng Giang (Lục Ngạn), dài 36km, quy mô cấp III.

d) Điều chỉnh tỷ lệ cứng hóa đường giao thông nông thôn:

Theo quy hoạch được duyệt đến năm 2020 tỷ lệ cứng hoá mặt đường huyện đạt khoảng 87 - 90%; đường xã đạt 58,5 - 65%; đường thôn xóm đạt 55 - 60%. Điều chỉnh tỷ lệ cứng hoá đến năm 2020 đối với từng loại đường như sau:

- Đường huyện: Tỷ lệ cứng hóa mặt đường đạt 100% ;

- Đường xã: Tỷ lệ cứng hóa mặt đường xã đạt 70%;

- Đường thôn, xóm: Nâng cấp đạt loại B, tỷ lệ cứng hoá đạt 75 - 80%.

4.1.2. Đường thủy nội địa

a) Bổ sung danh mục một số cảng vào quy hoạch gồm:

- Cảng chuyên dùng: Cảng xăng dầu Quang Châu, cảng Mỹ An, cảng Thạch Bàn, cảng Tân Tiến, cảng Trí Yên, cảng Hòa Phú, cảng Hợp Thịnh, cảng Khám Lạng, cảng Yên Lư.

- Cảng hành khách: Cảng Chùa Vĩnh Nghiêm.

b) Bổ sung quy hoạch một số tuyến đường kết nối giữa cảng và đường bộ, gồm: Đường kết nối cảng Đông Sơn với QL1; tuyến đường kết nối cảng Quang Châu với khu công nghiệp Quang Châu và QL1; tuyến kết nối ĐT293 đến cảng Tân Tiến; tuyến kết nối QL17 với cảng Thạch Bàn, quy mô tối thiểu đạt cấp IV.

4.2. Điều chỉnh, bổ sung cục bộ Quy hoạch giai đoạn 2021 - 2030:

a) Các tuyến đường tỉnh hiện có:

- Đường tỉnh 288: Điều chỉnh cắt giảm 1,5km đầu tuyến về đường huyện quản lý; bổ sung 1,5km từ điểm đầu nhánh 3 đường Vành đai IV đến đê sông Cầu quy mô cấp III; bổ sung 01 cầu vượt sông Cầu.

- Đường tỉnh 293: Điều chỉnh quy mô đoạn thành phố Bắc Giang - QL37 dài 20km từ cấp III lên cấp II.

- Đường tỉnh 298B: Điều chỉnh chuyển toàn bộ ĐT298B hiện trạng thành đường huyện. ĐT298B mới bắt đầu từ ĐT295B (Hồng Thái) - ĐT298 (Km 14+200) - QL37 (Km77+200) - chùa Bồ Đà và kết thúc tại đê sông Cầu. Chiều dài tuyến 14,5km; quy mô cấp III; xây dựng cầu vượt sông Cầu.

- Đường tỉnh 299B: Điều chỉnh điểm cuối từ ngã tư giao tuyến nhánh 1 ĐT293 về cổng UBND xã Trí Yên.

b) Bổ sung quy hoạch một số tuyến thành đường tỉnh:

- Tam Dị - Đông Hưng (Lục Nam) - Quý Sơn - Hồng Giang (Lục Ngạn), dài 36km, quy mô cấp III.

- Tuyến kết nối khu Hồ Khuôn Thần huyện Lục Ngạn với cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, dài 10km, quy mô cấp IV.

- Tuyến QL31 - Hồ Suối Nứa - Đông Hưng huyện Lục Nam kết nối tỉnh Lạng Sơn, dài 17km, quy mô cấp III.

- Tuyến Cảnh Thụy - Neo - Nham Sơn - Yên Lư huyện Yên Dũng kết nối với đường khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên, dài 17km, quy mô cấp III.

- Tuyến Mục - Đèo Kiếm (Sơn Động), kết nối với tỉnh Quảng Ninh, dài 11km, quy mô cấp IV.

- Tuyến kết nối ĐT293 - cảng Mỹ An - QL31, huyện Lục Nam và Lục Ngạn, dài 10km, quy mô cấp III.

- Đường gom hai bên cao tốc Hà Nội - Bắc Giang (đi qua các huyện: Việt Yên, Yên Dũng, Lạng Giang và thành phố Bắc Giang), dài 78km, quy mô cấp III.

c) Bổ sung quy hoạch một số tuyến mở mới (03 tuyến):

- Tuyến Hồ Suối Nứa - ĐT289 huyện Lục Nam, dài 10km, quy mô cấp III.

- Tuyến tránh thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa từ Lương Phong (Km87+600 QL37) đến Hoàng An (Km94, QL37), dài 7,6km, quy mô cấp III.

- Tuyến kết nối ĐT294 đến QL37 (qua địa bàn các xã: Đại Hóa, Song Vân, Ngọc Vân huyện Tân Yên; xã Thượng Lan, Việt Tiến huyện Việt Yên) dài 16km, quy mô cấp III.

d) *Bổ sung tuyến đường huyện lên đường tỉnh quản lý (02 tuyến):*

- Tuyến Liên Chung - Việt Lập - Ngọc Lý, huyện Tân Yên, dài 19,9km.

- Tuyến Bì (Ngọc Thiện) - Thượng Lan - QL37 (Quán Rãnh).

e) *Điều chỉnh bỏ tuyến đường huyện quy hoạch lên đường tỉnh (02 tuyến):*

- Tuyến Ké (thành phố Bắc Giang) - Hương Gián (Yên Dũng) do chuyển về đường đô thị.

- Tuyến Làng Tự (QL37) - Dương Huy do chuyển thành ĐT298B.

5. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư và nhu cầu vốn giai đoạn đến năm 2020

5.1. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư: (Chi tiết theo phụ lục 01 kèm theo).

5.2. Tổng vốn đầu tư:

a) Tổng vốn đầu tư: Tổng nhu cầu vốn đầu tư xây dựng công trình giao thông đường bộ, đường thủy giai đoạn 2018 - 2020 khoảng **14.289 tỷ đồng**, trong đó: Các công trình thuộc danh mục ưu tiên 9.489 tỷ đồng; giao thông nông thôn: 4200 tỷ đồng; bảo trì đường bộ: 100 tỷ đồng; công trình cảng đường thủy: 500 tỷ đồng.

b) Dự kiến nguồn vốn: Ngân sách Trung ương, trái phiếu Chính phủ, ngân sách địa phương, vốn PPP và các nguồn vốn huy động khác (vốn từ các doanh nghiệp, xã hội hóa, đóng góp của nhân dân,...). Trong đó: Vốn NSTW, TPCP: 1.399 tỷ đồng; vốn NSDP: 5.078 tỷ đồng; vốn PPP: 4.812 tỷ đồng; vốn huy động khác: 3.000 tỷ đồng.

6. Nhu cầu sử dụng đất giai đoạn 2018-2020: Khoảng 1.300 ha (Chi tiết theo phụ lục 02 kèm theo).

7. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 10/7/2015 của HĐND tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua làm cơ sở để triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, GT.^{Tung}.

Bản điện tử:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TH, XD, TN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lại Thanh Sơn

Phụ lục số 01
DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ VÀ NHU CẦU VỐN
 (Kèm theo Tờ trình số **152/TT-UBND** ngày **03/7/2019** của UBND tỉnh)

TT	Công trình	Khối lượng (km)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Nhu cầu vốn (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
	TỔNG YON	443,15		11.993		
I	Các dự án đang thi công	157,60		6.251		
1	Cao tốc Bắc - Giang - Lạng Sơn đoạn cầu QL31 - Cầu Lường	20,5	2-4 làn xe	2.650	BOT	Đang thi công
2	Cải tạo, nâng cấp QL 37 đoạn Km72-Km83	11	Cấp III	59	NSTW	Đang thi công
3	Cải tạo, nâng cấp QL 37 đoạn Km70-Km72	2	Cấp III	14,8	NSDP	Đang thi công
4	Cải tạo nâng cấp ĐT 295 Tam Dị - Đồi Ngô, huyện Lục Nam	10	Cấp III	130	NSDP	Đang thi công theo từng đoạn
5	Xây dựng tuyến đường nối cầu Bến Đám đi ĐT293	3,8	Cấp III	59	NSDP	đang thi công
6	Xây dựng Cầu Đồng Sơn và đường lên cầu	10,6	Cấp III và đường đô thị	1.163	BT	Đang thi công
7	Xây dựng đường trục Cụm CN Nghĩa Hòa (nối QL với ĐT 292)	4	Cấp III	135	BT	Đang thi công
8	ĐT293 đoạn Thanh Sơn - Hạ My (dự án chuyển tiếp)	13,7	Cấp III	275	TPCP	Đang thi công
9	Cải tạo, nâng cấp ĐT 288, huyện Hiệp Hòa	7,2	Cấp IV	50	NSDP	Đang thi công
10	Đường nối ĐT 293- cảng Mỹ An	5,3	Cấp III	120	NSDP	Đang thi công
11	ĐT 289 kéo dài (đoạn từ thị trấn Chũ đi Đồng Đỉnh)	16	Cấp IV	200	BT	Đang thi công
12	Đường Vành đai IV tỉnh Bắc Giang và các tuyến nhánh.	35,4	Cấp III	1.230	TPCP, NSDP	Đang thi công
13	Tuyến kết nối ĐT292 - QL37 thuộc huyện Lạng Giang	10,8	Cấp III	139	NSDP	Đang thi công
14	Cải tạo nâng cấp tuyến Hương Mai - Song Vân đoạn Km8-Km11+332	7,3	Cấp V	26	NSDP	Đang thi công
II	Các dự án có chủ trương đầu tư và đang lập dự án đầu tư	153,85		3.239		
1	Đường nối ĐT 296 với vành đai IV	6,8	Cấp IV	203	BT	Đang lập dự án
2	Cải tạo nâng cấp QL37 Km 83+300-Km88+100 và Km 90+000-Km91+400	6	Cấp III	89,4	NSDP	Đang lập dự án
3	Cải tạo nâng cấp ĐT 398 đoạn Đông Việt - Neo (km 0+000-Km8+300) và QL17 đoạn cống Kem - Tiên Phong (km 55+000-Km60+052)	13,35	Cấp IV, III	247	NSDP	Đang lập dự án
4	Cải tạo nâng cấp ĐT 294 đoạn ngã ba Tân Sỏi - Phúc Sơn	13,25	Cấp III	280,5	BT	Đang lập dự án
5	Cải tạo nâng cấp ĐT 292 trên địa bàn huyện Lạng Giang	8,3	Cấp III	180,4	BT	Đang trình dự án
6	Cải tạo nâng cấp ĐT 292 trên địa bàn huyện Yên Thế	10	Cấp III	120	NSDP	Có chủ trương
7	Cải tạo, nâng cấp QL 31 đoạn Km 17+800-Km 38+600	20,8	Cấp III	280	NSDP	Đang lập dự án
8	Cải tạo nâng cấp ĐT 295B đoạn Lạng Giang - TPBG	4	Cấp III	60	NSDP	Đã có dự án
9	Xây dựng cầu vượt dân sinh QL1 và QL37			28,7	NSDP	Đã có dự án

TT	Công trình	Khối lượng (km)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Nhu cầu vốn (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
10	Xây dựng đường nối QL17 với QL37	5,75	Cấp III	218	NSDP	Đang lập dự án
11	Xây dựng cầu vượt QL1, kết nối đường vành đai IV với KCN Quang Châu và mở rộng đường gom QL1	4,95	Cầu rộng 13m, dài 202m	312	NSDP	Đang lập dự án
12	Xây dựng cầu vượt nút giao đường Xương Giang nối NTMK với đường Trần Quang Khải	0,45	Cầu rộng 13m	201	NSDP	Đang lập dự án
13	Cải tạo, nâng cấp QL 17 đoạn Km 72+500-Km 88	15	Cấp III	177,5	NSTW, NSDP	Đã phê duyệt dự án
14	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 289 Chũ – Khuôn Thân	9,7	Cấp III	214	NSDP	Đang lập dự án
15	Tuyến Cảnh Thụy – Nham Sơn – Yên Lư – Vân Trung (Việt Yên)	17	Cấp III	460	NSDP	Đã có dự án
16	Tuyến kết nối QL31-ĐT 293 Lục Nam	3,5	Cấp III	62	NSDP	Đã có dự án
34	Tuyến Tam Dị - Đông Hưng – Quý Sơn – Hồng Giang	15	Cấp III	105	NSDP	GPMB và làm nền
III	Các dự án dự kiến đầu tư sau năm 2020	131,7		2.504		
1	Tuyến kết nối Tân Yên – Việt Yên (QL37)	16,2	Cấp III	400	NSDP, BT	
2	Tuyến đường kết nối QL31 đến cảng Mỹ An (xây 01 cầu)	4	Cấp III	130	NSDP	
3	Tuyến kết nối đường cầu Đồng Sơn đến cảng tổng hợp Đồng Sơn	1,5	Cấp III	60	NSDP	
4	Tuyến đường kết nối Khu công nghiệp Quang Châu với cảng tổng hợp Quang Châu.	1,5	Cấp III	60	NSDP	
5	Đường nối cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên – QL37	8	Cấp III	700	BOT	
6	Cải tạo nâng cấp đường gom hai bên cao tốc Hà Nội – Lạng Sơn địa bàn tỉnh Bắc Giang	42	Cấp III	504	NSDP	
7	Cải tạo, nâng cấp QL 17 đoạn Nhã Nam – Cầu Gồ	5,5	Cấp III	65	NSTW, NSDP	
8	Tuyến Tam Dị - Đông Hưng – Quý Sơn – Hồng Giang	36	Cấp III	360	NSDP	
9	QL31 – Hồ Suối Nứa kết nối với tỉnh Lạng Sơn	17	Cấp III	225	NSDP	

Tổng nhu cầu vốn thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn 2018-2020 (I+II): **9.489** Tỷ đồng

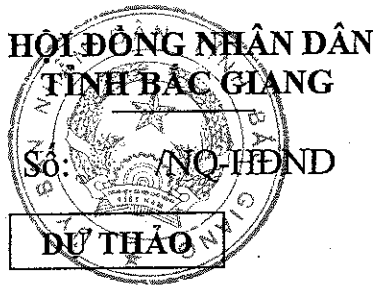
- Vốn NSTW, TPCP: 1.399 Tỷ đồng
- Vốn NSDP: 3.278 Tỷ đồng
- Vốn PPP: 4.812 Tỷ đồng

Phụ lục số 02

NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT BỔ SUNG CHO CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN GIAI ĐOẠN 2018-2020

(Kèm theo Tờ trình số 152/TTr-UBND ngày 03/7/2019 của UBND tỉnh)

TT	Đanh mục dự án	Địa điểm XD	Diện tích đất thu hồi (ha)
1	Cải tạo, nâng cấp ĐT 295 (Ngọc Châu - Thị trấn Thắng)	H. Hiệp Hòa	9,5
2	Cải tạo, nâng cấp ĐT 295B (giai đoạn 2)	H. Lạng Giang	3,6
3	Đường tỉnh 289 (từ Khuôn Thân đi ĐT 293)	H. Lục Ngạn	25,5
4	Cải tạo, nâng cấp QL 37 đoạn Km 72-Km 83	H. Việt Yên	4,4
5	Cải tạo nâng cấp ĐT 293 đoạn Thanh Sơn đến Hạ My	H. Sơn Động	12
6	Cải tạo, nâng cấp QL 37 đoạn Km 70-Km 72	H. Việt Yên	0
7	Cải tạo, nâng cấp ĐT 294 (Tân Sỏi - Cầu Ca) huyện Yên Thế	H. Yên Thế	9
8	Cải tạo, nâng cấp QL 17 đoạn Km 72+500-Km 88	H. Việt Yên, Tân Yên	15,5
9	Cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	TP Bắc Giang, Lạng Giang	62,5
10	Cải tạo, nâng cấp QL31 đoạn Lục Nam - Chũ	H. Lục Nam, Lục Ngạn	20
11	Cải tạo, nâng cấp QL17 đoạn Nhã Nam - Cầu Gồ	H. Yên Thế	5,5
12	Đường nối ĐT296 với vành đai IV	H. Hiệp Hòa	13,6
13	Cải tạo nâng cấp QL37 Km 83+300-Km88+100	H. Hiệp Hòa	2,5
14	Đường nối QL17 với QL37 (tuyến PT05)	H. Việt Yên	11
15	Đường vành đai IV	H. Việt Yên, HH	46,5
16	Cải tạo nâng cấp ĐT398 đoạn Đồng Việt - Neo (Km 0+00-Km8+300) và QL17 đoạn công Kem - Tiên Phong (Km 55+000-Km60+052)	H. Yên Dũng	10,5
17	Cải tạo nâng cấp ĐT 292	H. Lạng Giang, Yên Thế	15
18	Cải tạo nâng cấp ĐT 295 Tam Dị - Đồi Ngô, huyện Lục Nam.	H. Lục Nam	8
19	Xây dựng tuyến kết nối cầu Bến Đám đi ĐT 293	H. Yên Dũng	7
20	Xây dựng cầu vượt QL1, kết nối với đường vành đai IV với khu CN Quang Châu và mở rộng đường gom QL1	H. Việt Yên	3,6
21	Xây dựng đường trục CCN Nghĩa Hòa (nối QL1 với ĐT292)	H. Lạng Giang	8
22	Xây dựng Cầu Đồng Sơn và đường lên cầu	H. Yên Dũng, TPBG	38
23	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 288	H. Hiệp Hòa	4,5
24	Đường Vành đai IV (Hà Nội) địa phận tỉnh Bắc Giang	H. Việt Yên, Hiệp Hòa	70
25	Đường nối ĐT 293 đi cảng Mỹ An - QL31	H. Lục Nam, Lục Ngạn	18,5
26	Tuyến Cảnh Thụy - Nham Sơn - Yên Lư - Vân Trung (Việt Yên)	H. Yên Dũng, Việt Yên	35
27	Tuyến kết nối QL31-ĐT 293 Lục Nam	H. Lục Nam	7,5
28	Cải tạo nâng cấp tuyến Hương Mai - Song Vân đoạn Km 8-Km11+332	H. Việt Yên	2
29	Tuyến kết nối Lạng Giang (ĐT292) - Tân Yên - Việt Yên (QL37)	H. Lạng Giang, Tân Yên, Việt Yên	46
30	Tuyến Tam Dị - Đông Hưng - Quý Sơn - Hồng Giang (GPMB 15km)	H. Lục Nam, Lục Ngạn	30
31	Tuyến đường kết nối đường cầu Đồng Sơn đến cảng tổng hợp Đồng Sơn	TP Bắc Giang	2,7
32	Tuyến đường kết nối Khu công nghiệp Quang Châu với cảng tổng hợp Quang Châu.	H. Việt Yên	2,5
33	Giao thông nông thôn	Toàn tỉnh	750
	Tổng cộng		1.300



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bắc Giang, ngày tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Thông qua Điều chỉnh, bổ sung cục bộ Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014; Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 269/QĐ-TTg ngày 02 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 152/TTr-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Điều chỉnh, bổ sung cục bộ Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu điều chỉnh, bổ sung cục bộ quy hoạch

Điều chỉnh, bổ sung cục bộ Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 làm cơ sở pháp lý thực hiện một số chương trình, dự án cấp thiết về đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn đến năm 2020, đáp ứng nhu cầu thực tế hiện nay. Đồng thời, điều chỉnh, bổ sung một số nội dung mang tính định hướng cho phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải trong giai đoạn 2021-2030 để tích hợp vào quy hoạch tỉnh.

2. Phạm vi điều chỉnh

- Giai đoạn đến năm 2020: Điều chỉnh hướng tuyến, quy mô, giai đoạn đầu tư một số tuyến đường; bổ sung quy hoạch một số tuyến đường, công trình cầu; điều chỉnh tỷ lệ cứng hóa đường giao thông nông thôn; bổ sung quy hoạch một số cảng thủy nội địa và tuyến đường kết nối các cảng với giao thông đường bộ.

- Giai đoạn đến năm 2030: Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung về tầm nhìn đến năm 2030 để định hướng khi nghiên cứu, xây dựng Quy hoạch tỉnh.

3. Nội dung điều chỉnh, bổ sung cục bộ Quy hoạch

3.1. Điều chỉnh, bổ sung cục bộ Quy hoạch đến năm 2020

3.1.1. Đường bộ.

a) Quốc lộ, cao tốc:

- Quốc lộ 17: Điều chỉnh cục bộ hướng tuyến đoạn Km72+800 - Km 74+750 theo hướng mới đi thẳng, nối trực tiếp từ Km72+800 - Km 74+750 (không sử dụng đoạn tuyến đường cũ).

- Tuyến kết nối cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn và Hà Nội - Thái Nguyên: Điều chỉnh thành tuyến kết nối cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên với QL37.

- Điều chỉnh, bổ sung hệ thống đường gom hai bên cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn (đi qua các huyện: Việt Yên, Yên Dũng, Lạng Giang và thành phố Bắc Giang) dài 78km, theo quy mô tối thiểu cấp III.

b) Đường tỉnh (các tuyến đường tỉnh hiện có):

- Đường tỉnh 298, 292, 290: Điều chỉnh quy mô từ cấp IV lên cấp III.

- Đường tỉnh 299: Điều chỉnh quy mô đoạn QL31 - Neo - Đông Việt từ cấp IV lên cấp III; bổ sung cầu Đông Việt kết nối sang tỉnh Hải Dương.

- Đường tỉnh 289: Điều chỉnh quy mô đoạn Chũ - Khuôn Thần từ cấp IV lên cấp III; bổ sung cầu Chũ mới.

- Đường tỉnh 288: Điều chỉnh quy mô đoạn Thắng - Gầm từ cấp IV lên cấp III.

- Đường vành đai IV: Điều chỉnh giai đoạn thực hiện xây dựng cầu vượt QL1 kết nối với khu công nghiệp Quang Châu từ sau năm 2020 về trước năm 2020; điều chỉnh hướng tuyến đoạn cuối tuyến đi qua Xuân Cẩm, kết nối với nút giao Bắc Phú huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

c) Điều chỉnh, bổ sung một số tuyến mở mới:

- Bổ sung tuyến Cảnh Thụy - Neo - Nham Sơn - Yên Lư, huyện Yên Dũng kết nối với đường khu công nghiệp Vân Trung, Quang Châu, đường Vành đai IV; chiều dài 17km, quy mô cấp III.

- Bổ sung tuyến kết nối QL31 - ĐT293 Lục Nam, dài 3,5km, quy mô cấp III.

- Bổ sung tuyến kết nối ĐT296 với đường vành đai IV huyện Hiệp Hòa, dài 7,6km, quy mô cấp IV.

- Bổ sung tuyến Dương Đức - Nghĩa Hưng - Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang (kết nối ĐT292 và ĐT295), dài 11 km, quy mô cấp III.

- Bổ sung tuyến kết nối ĐT298 đến đường vành đai IV (qua địa bàn Hoàng Ninh, Quảng Minh, Trung Sơn) huyện Việt Yên, dài 7km, quy mô cấp III.

- Bổ sung tuyến kết nối ĐT293 - cảng Mỹ An - QL31, huyện Lục Nam và Lục Ngạn, dài 10km, quy mô cấp III và xây dựng cầu mới vượt sông Lục Nam.

- Điều chỉnh tuyến Tam Dị (Lục Nam) - Đông Hưng - Chũ (Lục Ngạn) thành tuyến Tam Dị - Đông Hưng (Lục Nam) - Quý Sơn - Hồng Giang (Lục Ngạn), dài 36km, quy mô cấp III.

d) Điều chỉnh tỷ lệ cứng hóa đường giao thông nông thôn:

- Đường huyện: Tỷ lệ cứng hóa mặt đường đạt 100%;

- Đường xã: Tỷ lệ cứng hóa mặt đường xã đạt 70%;

- Đường thôn, xóm: Nâng cấp đạt loại B, tỷ lệ cứng hoá đạt 75 - 80%.

3.1.2. Đường thủy nội địa

a) Bổ sung danh mục một số cảng vào quy hoạch gồm:

- Cảng chuyên dùng: Cảng xăng dầu Quang Châu, cảng Mỹ An, cảng Thạch Bàn, cảng Tân Tiến, cảng Trí Yên, cảng Hòa Phú, cảng Hợp Thịnh, cảng Khám Lạng, cảng Yên Lư.

- Cảng hành khách: Cảng Chùa Vĩnh Nghiêm.

b) Bổ sung quy hoạch một số tuyến đường kết nối giữa cảng và đường bộ, gồm: Đường kết nối cảng Đông Sơn với QL1; tuyến đường kết nối cảng Quang Châu với khu công nghiệp Quang Châu và QL1; tuyến kết nối ĐT293 đến cảng Tân Tiến; tuyến kết nối QL17 với cảng Thạch Bàn, quy mô tối thiểu đạt cấp IV.

3.2. Điều chỉnh, bổ sung cục bộ Quy hoạch giai đoạn 2021 - 2030:

a) Các tuyến đường tỉnh hiện có:

- Đường tỉnh 288: Điều chỉnh cắt giảm 1,5km đầu tuyến về đường huyện quản lý; bổ sung 1,5km từ điểm đầu nhánh 3 đường Vành đai IV đến đê sông Cầu quy mô cấp III; bổ sung 01 cầu vượt sông Cầu.

- Đường tỉnh 293: Điều chỉnh quy mô đoạn thành phố Bắc Giang - QL37 dài 20km từ cấp III lên cấp II.

-- Đường tỉnh 298B: Điều chỉnh chuyển toàn bộ ĐT298B hiện trạng thành đường huyện. ĐT298B mới bắt đầu từ ĐT295B (Hồng Thái) - ĐT298 (Km 14+200) - QL37 (Km77+200) - chùa Bồ Đà và kết thúc tại đê sông Cầu. Chiều dài tuyến 14,5km; quy mô cấp III; xây dựng cầu vượt sông Cầu.

- Đường tỉnh 299B: Điều chỉnh điểm cuối từ ngã tư giao tuyến nhánh 1 ĐT293 về công UBND xã Trí Yên.

b) Bổ sung quy hoạch một số tuyến thành đường tỉnh:

- Tuyến Tam Dị - Đông Hưng - Quý Sơn - Hồng Giang, dài 36km, quy mô cấp III.

- Tuyến kết nối khu Hồ Khuôn Thần huyện Lục Ngạn với cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, dài 10km, quy mô cấp IV.

- Tuyến QL31 - Hồ Suối Nứa - Đông Hưng huyện Lục Nam kết nối tỉnh Lạng Sơn, dài 17km, quy mô cấp III.

- Tuyến Cảnh Thụy - Nham Sơn - Yên Lư huyện Yên Dũng kết nối với đường khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên, dài 17km, quy mô cấp III;

- Tuyến Mực - Đèo Kiếm (Sơn Động), kết nối với tỉnh Quảng Ninh, dài 11km, quy mô cấp IV.

- Tuyến kết nối ĐT293 - cảng Mỹ An - QL31, huyện Lục Nam và Lục Ngạn, dài 10 km, quy mô cấp III.

- Đường gom hai bên cao tốc Hà Nội - Bắc Giang (đi qua các huyện: Việt Yên, Yên Dũng, Lạng Giang và thành phố Bắc Giang), dài 78km, quy mô cấp III.

c) Bổ sung quy hoạch một số tuyến mở mới (03 tuyến):

- Tuyến Hồ Suối Nứa - ĐT289 huyện Lục Nam, dài 10km, quy mô cấp III.

- Tuyến tránh thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa từ Lương Phong (Km87+600 QL37) đến Hoàng An (Km94, QL37), dài 7,6km, quy mô cấp III.

- Tuyến kết nối ĐT294 đến QL37 (qua địa bàn các xã: Đại Hóa, Song Vân, Ngọc Vân huyện Tân Yên; xã Thượng Lan, Việt Tiến huyện Việt Yên) dài 16km, quy mô cấp III.

d) Bổ sung tuyến đường huyện lên đường tỉnh quản lý (02 tuyến):

- Tuyến Liên Chung - Việt Lập - Ngọc Lý, huyện Tân Yên (dài 19,9km).

- Tuyến Bi (Ngọc Thiên) - Thượng Lan - QL37 (Quán Rãnh).

e) Điều chỉnh bỏ tuyến đường huyện quy hoạch lên đường tỉnh (02 tuyến):

- Tuyến Kế (thành phố Bắc Giang) - Hương Gián (Yên Dũng) do chuyển về đường đô thị.

- Tuyến Làng Tự (QL37) - Dương Huy do chuyển thành ĐT298B.

4. Nhu cầu vốn, nguồn vốn đầu tư giai đoạn đến năm 2020

- Nhu cầu vốn: Tổng nhu cầu vốn đầu tư xây dựng các công trình giao thông đường bộ, đường thủy giai đoạn 2018 - 2020 khoảng **14.289 tỷ đồng**.

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương, trái phiếu Chính phủ, ngân sách địa phương, vốn PPP và các nguồn vốn huy động khác (vốn từ các doanh nghiệp, xã hội hóa, đóng góp của nhân dân,...). Trong đó: Vốn NSTW, TPCP: 1.399 tỷ đồng; vốn NSDP: 5.078 tỷ đồng; vốn PPP: 4.812 tỷ đồng; vốn huy động khác: 3.000 tỷ đồng.

5. Nhu cầu sử dụng đất: Khoảng 1.300 ha.

6. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 10/7/2015 của HĐND tỉnh.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII, kỳ họp thứ 7 thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Lưu: VT, TH.

Bản điện tử:

- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Hải

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 53/BC-HĐND

Bắc Giang, ngày 27 tháng 6 năm 2019

BÁO CÁO

**Thẩm tra dự thảo Nghị quyết thông qua Điều chỉnh, bổ sung cục bộ Quy
hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020,
tầm nhìn đến năm 2030**

Thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, ngày 25/6/2019, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đã tổ chức thẩm tra dự thảo Nghị quyết thông qua Điều chỉnh, bổ sung cục bộ Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo kết quả như sau:

1. Căn cứ pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 10/7/2015. Sau hơn 03 năm thực hiện, kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh đã có sự chuyển biến tích cực, nhiều trục giao thông quan trọng đã và đang được tập trung đầu tư xây dựng như: tuyến cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn, ĐT290, ĐT295, ĐT293, đường vành đai IV, đường nối ĐT293 với cảng Mỹ An,... góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện quy hoạch giao thông vận tải của tỉnh còn một số bất cập như: quy mô các tuyến đường còn nhỏ, cần phải điều chỉnh cho phù hợp với thực tế; giao thông kết nối giữa các vùng trong và ngoài tỉnh còn hạn chế cần bổ sung vào quy hoạch hoặc điều chỉnh thời gian thực hiện. Bên cạnh đó phong trào cứng hóa đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua phát triển mạnh mẽ nên cần điều chỉnh tỷ lệ cứng hóa.

Từ thực tế trên, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Điều chỉnh, bổ sung cục bộ Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 là cần thiết, đúng thẩm quyền, phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

2. Về trình tự, thủ tục

Dự thảo Nghị quyết đã được xây dựng đúng trình tự, thủ tục, thể thức được trình bày đúng quy định tại Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ nội vụ về việc Hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính; dự

thảo nghị quyết đã được tổ chức lấy ý kiến của các sở, ngành có liên quan, UBND các huyện thành phố và được UBND tỉnh thông qua.

3. Về nội dung

Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo Nghị quyết. Tuy nhiên, để dự thảo nghị quyết đầy đủ hơn, đề nghị UBND tỉnh làm rõ, bổ sung một số nội dung sau:

- Quy định rõ quy mô cấp các tuyến đường trong quy hoạch là đồng bằng hay miền núi.

- Lý do giai đoạn 2021-2030, bổ sung quy hoạch một số tuyến đường huyện thành đường tỉnh và điều chỉnh bỏ một số tuyến đường huyện lên đường tỉnh quản lý.

- Việc điều chỉnh tỷ lệ cứng hóa đường giao thông nông thôn cần so sánh với chỉ tiêu đề ra trong Nghị quyết số 11/NQ-HĐND.

- Đề nghị phân tích rõ cơ cấu nguồn vốn thực hiện quy hoạch: ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh, vốn BT,... và phân kỳ đầu tư cho phù hợp với khả năng nguồn vốn.

Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo kết quả thẩm tra dự thảo Nghị quyết thông qua Điều chỉnh, bổ sung cục bộ Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, đề nghị các đại biểu HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Lưu: VT, TH.

Bản điện tử:

- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các đại biểu dự kỳ họp HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng.

TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
ĐẠI TRƯỞNG BAN



Nguyễn Kim Phương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

BÁO CÁO
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG CỤC BỘ QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN
GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH BẮC GIANG ĐẾN NĂM 2020
VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

Bắc Giang, 2019

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG CỤC BỘ QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH BẮC GIANG ĐẾN NĂM 2020 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết điều chỉnh, bổ sung cục bộ quy hoạch

Quy hoạch phát triển Giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 28/7/2015. Đến nay, sau hơn 03 năm thực hiện, được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các Bộ ngành trung ương, ngành giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Việc huy động nguồn lực cho đầu tư mới, cải tạo, nâng cấp hạ tầng giao thông, nhất là đường bộ thu được kết quả quan trọng như: Tuyến cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn (đoạn Hà Nội - Bắc Giang đã hoàn thành đầu tư và đưa vào khai thác sử dụng năm 2016; đoạn Bắc Giang - Lạng Sơn đang tập trung thi công, dự kiến hoàn thành trong năm 2019); một số tuyến đường giao thông quan trọng đã được đầu tư đường vành đai IV Hà Nội địa phận tỉnh Bắc Giang, đường nối ĐT 293 đến cảng Mỹ An đang được đầu tư, thi công phần đầu hoàn thành vào năm 2020; một số công trình cầu quan trọng cũng đã được đầu tư xây dựng mới như cầu Đồng Sơn, cầu Trần Quang Khải...

Trong giai đoạn này, Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030; Kết luận số 43-KL/TU ngày 11/5/2017; Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 quy định chính sách hỗ trợ cứng hóa đường trục thôn, đường liên thôn và đường nội đồng gắn với giao thông liên thôn trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2017-2021; Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017... đã góp phần thực hiện nhiều mục tiêu của quy hoạch như thu hút vốn đầu tư, nâng cao chất lượng GTNT, hạ tầng giao thông đường thủy nội địa được quy hoạch thêm nhiều cảng và thu hút được nhà đầu tư..., chất lượng vận tải ngày một nâng cao, bước đầu đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, đảm bảo ATGT, nâng cao đời sống nhân dân, góp phần xóa đói giảm nghèo.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện quy hoạch giao thông vận tải của tỉnh vẫn còn một số hạn chế đó là: Chưa dự báo, đánh giá chính xác việc gia tăng mật độ giao thông đường bộ và tốc độ phát triển đô thị, khu cụm công nghiệp và dịch vụ, nên quy mô các tuyến đường nhỏ, chủ yếu là đường cấp IV, cấp V chưa đáp ứng được yêu cầu hiện tại và tương lai; giao thông đi lại, kết nối giữa các vùng trong và ngoài tỉnh còn hạn chế, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và của tỉnh. Một số trục giao thông quan trọng của tỉnh như QL31, QL37 đoạn Kép- ngã tư Thân - cầu Cẩm lý, QL17, ĐT292, ĐT294, ĐT289,... chưa

được đầu tư; việc nâng cấp các tuyến đường huyện lên đường tỉnh, mở mới các tuyến đường tỉnh thực hiện chưa được nhiều dẫn đến khả năng kết nối giữa hệ thống đường xã, đường huyện, đường tỉnh với quốc lộ còn hạn chế. Đối với đường GTNT (đường huyện, đường xã) cơ bản được quan tâm cứng hóa, tuy nhiên cấp hạng còn thấp. Hệ thống đường thủy nội địa chưa thực sự phát huy thế mạnh của tỉnh, nhiều tuyến sông đã được nạo vét, nhưng khả năng tiếp cận, kết nối giữa đường bộ tới các bến đường thủy nội địa còn hạn chế.

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế trên, phù hợp với chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và tình hình thực tế của tỉnh Bắc Giang trong thời gian tới, nhằm đảm bảo yêu cầu đầu tư các công trình giao thông và thu hút đầu tư trong thời gian tới nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết 113-NQ/TU ngày 22/7/2016, việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phát triển GTVT tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 là cần thiết để làm cơ sở triển khai thực hiện đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế, các quy định hiện hành.

2. Căn cứ điều chỉnh quy hoạch

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008; Luật Giao thông Đường thủy số 23/2004/QH11 ngày 15/06/2004; Luật đường sắt số 35/2005/QH11 ngày 14/6/2005; Luật Bảo vệ môi trường số 52/2005/QH11 ngày 29/11/2005;

- Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính Phủ về quản lý bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 3/9/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ;

- Quyết định số 355/QĐ-TTg ngày 25/2/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh chiến lược phát triển GTVT đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 356/QĐ-TTg ngày 25/2/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển GTVT đường bộ đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1734/QĐ-TTg ngày 1/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng đường cao tốc Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn sau năm 2020;

- Quyết định số 2223/QĐ-TTg ngày 13/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định 269/QĐ-TTg ngày 02/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

- Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng

thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

- Quyết định số 1071/QĐ-BGTVT ngày 24/4/2013 của Bộ GTVT về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển GTVT Đường thủy nội địa Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1112/QĐ-BGTVT ngày 26/4/2013 của Bộ GTVT phê duyệt Quy hoạch chi tiết hệ thống cảng đường thủy nội địa khu vực phía Bắc đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

- Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 của Tỉnh ủy Bắc Giang về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030;

- Kết luận số 122-KL/TU ngày 01/10/2018 của Tỉnh ủy Bắc Giang;

- Các quy định hiện hành khác có liên quan.

3. Phạm vi của điều chỉnh, bổ sung cục bộ quy hoạch:

3.1. Phạm vi điều chỉnh, bổ sung cục bộ quy hoạch:

Căn cứ Kết luận số 122-KL/TU ngày 01/10/2018 của Tỉnh ủy Bắc Giang và tình hình thực tế, phạm vi điều chỉnh là điều chỉnh cục bộ lĩnh vực kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và đường thủy nội địa; các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 28/7/2015.

3.2. Mục tiêu của điều chỉnh, bổ sung cục bộ quy hoạch

- Đánh giá kết quả thực hiện phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và đường thủy nội địa giai đoạn 2015-2018 và cập nhật lại hiện trạng hệ thống đường bộ và đường thủy nội địa.

- Điều chỉnh quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và đường thủy nội địa phục vụ yêu cầu đầu tư trong thời gian qua và những năm tiếp theo nhằm đáp ứng mục tiêu Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 đã đề ra.

PHẦN I: ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG GIAO THÔNG VẬN TẢI

I. Hiện trạng phát triển giao thông vận tải

1. Kết cấu hạ tầng giao thông: Có mạng lưới giao thông phân bố hợp lý bao gồm 3 loại hình: giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

- Đường bộ: Tổng chiều dài 15.465,38km gồm: 05 tuyến Quốc lộ dài 308,9km; 18 tuyến tỉnh lộ dài 382,90km; 764,10km đường huyện; 1.878,12 km đường xã, 7.951,47 km đường thôn xóm, 4.017,68 km đường nội đồng và 314,44 km đường đô thị.

- Đường thủy nội địa: Có 3 sông chính (sông Thương, sông Cầu và sông Lục Nam) gồm 222 km Trung ương quản lý; 130 km địa phương quản lý.

- Đường sắt: Có 03 tuyến (Tuyến Hà Nội - Đồng Đăng: dài 167 km; qua Bắc

Giang 40 km; Tuyến Kép – Hạ Long: dài 106 km; qua Bắc Giang 32,77 km; Tuyến Kép – Lưu Xá: chưa được khôi phục hoạt động) các tuyến đường sắt hoạt động kém hiệu quả; khả năng tiếp cận các ga hạn chế.

II. Kết quả thực hiện giai đoạn 2015-2018 so với quy hoạch được duyệt.

Sau 3 năm, ngành GTVT tỉnh Bắc Giang đạt được một số kết quả về xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông (KCCHTGT) đường bộ và đường thủy nội địa, góp phần phát triển KT-XH, xoá đói giảm nghèo, giữ gìn ANQP, đáp ứng nhu cầu vận tải và đi lại của nhân dân.

1. Về kết cấu hạ tầng giao thông

1.1. Mục tiêu và kết quả phát triển kết cấu hạ tầng theo Quyết định số 308.

- Đường cao tốc: Thực hiện theo Quy hoạch phát triển mạng đường bộ cao tốc Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn sau năm 2020 được TTCP phê duyệt: Hoàn cao tốc Hà Nội – Lạng Sơn, 2-4 làn xe; triển khai thủ tục, xây dựng đường nối cao tốc Hà Nội – Thái Nguyên với cao tốc Hà Nội – Lạng Sơn.

* Kết quả thực hiện: Đã hoàn thành nâng cấp, mở rộng QL1 (Hà Nội - Bắc Giang) thành cao tốc; đang khẩn trương thi công phần đầu hoàn thành cao tốc Bắc Giang – Lạng Sơn vào năm 2019, tuyến nối cao tốc Hà Nội – Thái Nguyên với cao tốc Hà Nội – Lạng Sơn được thay thế bằng tuyến đường Vành đai IV Hà Nội, địa phận tỉnh Bắc Giang theo quy mô đường cấp III ĐB đang triển khai thi công.

- Quốc lộ: Thực hiện theo Điều chỉnh Quy hoạch phát triển GTVT đường bộ Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 được TTCP phê duyệt. Triển khai xây dựng nền đường vành đai V thủ đô Hà Nội tiêu chuẩn 4 - 6 làn xe.

* Kết quả thực hiện: Đã hoàn thành nâng cấp cải tạo QL1 trên địa bàn tỉnh; thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư nâng cấp mở rộng các tuyến quốc lộ: Quốc lộ 37 đoạn Km 70-Km 72, Đoạn Đình Trám - Hiệp Hòa đã dừng triển khai thực hiện theo dự án BOT của Bộ Giao thông vận tải nhưng được tiếp tục đầu tư cải tạo, mở rộng đoạn qua địa bàn huyện Việt Yên đảm bảo quy mô cấp III đồng bằng bằng nguồn vốn bảo trì đường bộ, đoạn Việt Yên – Hiệp Hòa đã có chủ trương đầu tư theo hình thức BT; đoạn làm mới nối từ ĐT296 với cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên đang nghiên cứu kêu gọi Nhà đầu tư thực hiện theo hình thức PPP. QL17 Đoạn nối ĐT398-QL18 đã thực hiện xong phần đường thuộc địa phận tỉnh Bắc Giang và cầu Yên Dũng; đoạn từ Cống Kem đi Tiên Phong (Km50-Km60+52) đã có chủ trương đầu tư theo hình thức hợp đồng BT; đoạn từ Việt Yên đi Nhã Nam (Km72+500-Km88) đang nghiên cứu đầu tư bằng ngân sách tỉnh kết hợp với nguồn vốn bảo trì Trung ương. QL31 đoạn thành phố Bắc Giang đi Chũ đã dừng triển khai thực hiện theo dự án BOT, nay nghiên cứu thực hiện chủ trương kết hợp ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương thực hiện cải tạo, mở rộng trước đối với những đoạn xung yếu, cấp thiết, trong đó có đoạn Đồi Ngô đi Chũ. Riêng đoạn Kép - Ngã tư Thân - cầu Cẩm Lý và xây dựng cầu đường bộ Cẩm Lý tách khỏi đường sắt đến nay chưa có kế hoạch thực hiện.

Các tuyến quốc lộ trên địa bàn tiếp tục thực hiện công tác bảo trì để đáp ứng yêu cầu về giao thông.

- Đường tỉnh: Cải tạo, nâng cấp, đưa vào cấp đường tỉnh với mục tiêu ở vùng đồng bằng đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp IV trở lên; miền núi đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp V. Giai đoạn 2015-2020, xây dựng một số cầu nối với các tỉnh Thái Nguyên, Hải Dương và Bắc Ninh, xây dựng mới thay thế các cầu yếu chịu tải trọng nhỏ trên các tuyến. Phần đầu tỷ lệ nhựa hoá hệ thống đường tỉnh đạt 100% vào năm 2015. Chuyển một số ĐH quan trọng lên thành ĐT, kết hợp với đầu tư cải tuyến, nâng cấp hoặc mở một số tuyến, đoạn tuyến mới ở những khu vực cần thiết.

* Kết quả thực hiện: Về cơ bản các tuyến đường tỉnh đáp ứng được quy mô theo quy hoạch, mặt đường đã được nhựa hóa, bê tông hóa 100%, nhiều tuyến đường đầu tư có chiều rộng mặt đường rộng trên 8,0m theo Nghị quyết số 113-NQ/TU của Tỉnh ủy (ĐT.290, ĐT 293, đường Vành đai IV Hà Nội địa phận tỉnh Bắc Giang, tuyến kết nối ĐT 293 đi cảng Mỹ An...); Xây dựng một số cầu như cầu Yên Dũng, cầu Cẩm Xuyên kết nối với tỉnh Bắc Ninh và thành phố Hà Nội; đã chuyển 06 tuyến đường huyện về tỉnh quản lý.

- Giao thông nông thôn: 87- 90% đường huyện, tối thiểu 58,5-65% đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông xi măng hóa; đường huyện đạt tối thiểu đạt cấp V, đường xã đạt tối thiểu cấp VI; 55-60% đường thôn xóm được cứng hóa, đạt loại B - GTNT trở lên; 70% đường trục chính nội đồng được cứng hóa, phương tiện cơ giới nhỏ đi lại thuận tiện. Hệ thống cầu cống trên các tuyến đường huyện, đường xã được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường quy hoạch.

* Kết quả thực hiện: Đường huyện đã được cứng hoá, đạt 86,55%; Đường xã đã cứng hóa cứng được 1.268,43/1.878,12km, đạt 67,54%; Đường thôn, xóm đã cứng hóa được 4.945,37/7.951,47km, đạt 62,19%.

Hiện nay phong trào cứng hoá đường GTNT theo Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017, số 06/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh và Kết luận số 43-KL/TU của Tỉnh ủy đã phát triển rộng khắp, hàng nghìn Km đường thôn xóm được bê tông hóa góp phần thay đổi bộ mặt giao thông nông thôn, tạo niềm tin và phấn khởi trong nhân dân.

- Giao thông đô thị: Phát triển giao thông đô thị được xây dựng phù hợp với quy hoạch phát triển KT-XH, phát triển không gian và bố trí hạ tầng kỹ thuật của đô thị. Nhiều tuyến đường đô thị đã được chỉnh trang, cùng với các tuyến đường mới được đầu tư theo các dự án khu đô thị đã giải quyết được yêu cầu mở rộng không gian, nâng cao chất lượng đô thị.

- Thu hút vốn đầu tư ngoài ngân sách cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đến nay ước đạt 7.100 tỷ đồng.

- Đường thủy nội địa: Tận dụng tối đa lợi thế đường sông của tỉnh; đầu tư nạo vét luồng lạch, chỉnh trị dòng sông đảm bảo cho các phương tiện có tải trọng 150 tấn – 200 tấn qua lại an toàn. Xử lý phá bỏ một số các ghềnh, thác trên một số đoạn tuyến

sông (trên sông Lục Nam) cũng như thanh lọc các đoạn bồi lắng tại Thái Thác (ở thượng lưu sông Thương) khai thác tốt hơn các cảng Trung ương và địa phương. Xây dựng thêm một cảng mới do Trung ương quản lý, xây mới, nâng cấp, mở rộng một số cảng sông địa phương, các bến bãi, bến khách ngang sông nhằm đáp ứng tốt nhu cầu thông qua cảng, đảm bảo an toàn và nhu cầu của người dân.

* Kết quả thực hiện: Cục Đường thủy nội địa thực hiện nạo vét luồng trên một số đoạn sông Cầu, sông Lục Nam, cơ bản các bãi cạn trên tuyến do trung ương quản lý của 02 tuyến sông này đã được nạo vét bảo đảm phương tiện có trọng tải đến 1000 tấn lưu thông an toàn. Các đoạn sông thuộc đường thủy nội địa địa phương chưa được nạo vét, cải tạo, hiện tại phương tiện thủy không hoạt động đượg trên các đoạn sông này. Nhiều cảng đường thủy nội địa đã được Bộ GTVT chấp thuận quy hoạch và được nhà đầu tư quan tâm triển khai thực hiện như: Cảng Mỹ An, nhiệt điện An Khánh, Đồng Sơn, Trí Yên, cảng xăng dầu Quang Châu, Hòa Phú, Tân Tiến, Thạch Bàn; tiếp tục kêu gọi đầu tư xây dựng cảng hành khách chùà Vĩnh Nghiêm và cảng Á Lữ. Bến thủy nội địa có 103 bến và 53 bến khách ngang sông chủ yếu do cá nhân đầu tư quản lý, quy mô nhỏ và còn nhiều bất cập cả về hạ tầng và điều kiện hoạt động. Cảng cạn ICD đã có trong quy hoạch nhưng chưa được xây dựng,...

Ngày 26/12/2016 UBND tỉnh Bắc Giang đã ban hành Quyết định số 765/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề án Phát triển cảng, bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh; Đề án đã xây dựng cơ chế, chính sách phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải đường thủy nội địa, các giải pháp về quản lý nhà nước, quản lý bảo trì, quản lý hoạt động vận tải, đảm bảo an toàn giao thông, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển giao thông vận tải đường thủy nội địa. Từng bước tăng cường khả năng kết nối giao thông đường thủy từ các cảng, bến thủy nội địa với hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt.

2. Đánh giá chung kết quả thực hiện quy hoạch theo Quyết định 308/QĐ-UBND.

2.1 Ưu điểm:

- Mặc dù kinh tế khó khăn, nhưng Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Bắc Giang tập trung quan tâm, dành nhiều nguồn lực phát triển GTVT, coi GTVT là khâu đột phá, làm nền tảng để phát triển KTXH; đặc biệt Tỉnh ủy đã ban hành nghị quyết riêng về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông (Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030, Kết luận số 43-KL/TU ngày 11/5/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về giao thông nông thôn); HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết 07/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017, Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 về chính sách hỗ trợ xi măng cứng hóa đường trục thôn, đường liên thôn và đường nội đồng đã góp phần thay đổi bộ mặt nông thôn mới. Nguồn lực đầu tư đã cải thiện, ngoài nguồn lực từ NSNN, ODA, TPCP, nguồn lực BOT đang phát huy hiệu quả (dự án cao tốc Hà Nội - Bắc Giang - Lạng Sơn), nguồn lực BT đã và đang trở thành yếu tố quan

trọng trong việc phát triển các tuyến đường giao thông đường bộ, giao thông đô thị; vốn huy động từ các doanh nghiệp đã bắt đầu thực hiện tại các dự án xây dựng cảng đường thủy nội địa; vốn huy động từ nhân dân trong việc đóng góp tiền, công sức xây dựng đường GTNT, đặc biệt là hiến đất để làm đường đã góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện thi công và giảm chi phí đầu tư công trình.

- Một số công trình giao thông quan trọng đã được đầu tư như: Cao tốc Hà Nội - Bắc Giang - Lạng Sơn, nâng cấp QL17, 37, QL1; kéo dài, nâng cấp, cải tạo các tuyến đường tỉnh trọng yếu (ĐT293, 295, ĐT 290...), thi công dự án đường vành đai IV Hà Nội địa phận tỉnh Bắc Giang, đường nối ĐT 293 đến cảng Mỹ An; xây dựng các cầu lớn vượt sông (Đồng Sơn, Yên Dũng, Trần Quang Khải)...

- Quy hoạch mở mới một số tuyến đường đã được triển khai thực hiện như: Tuyến Đình Trám - Nội Hoàng - Đồng Sơn - ĐT 293 (TPBG); Tuyến nối Lạng Giang - Tân Yên - Việt Yên - Hiệp Hoà (trừ đoạn Lạng Giang - Tân Yên) quy mô cấp III; Tuyến cầu Bến Đám - Hương Gián (kết nối ĐT 293) quy mô cấp III; Vành đai IV thủ đô Hà Nội địa phận tỉnh Bắc Giang quy mô cấp III.

- Công tác lập quy hoạch GTVT của các huyện, thành phố được quan tâm; phát triển GTNT vượt các mục tiêu cứng hóa, gắn với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Ngành GTVT đã xây dựng kế hoạch, thực hiện đạt nhiều kết quả, tăng khả năng kết nối vận tải, nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm TNGT, góp phần thúc đẩy phát triển KTXH.

2.2 Nhược điểm:

- Quy hoạch GTVT của tỉnh chưa đánh giá chính xác việc gia tăng mật độ giao thông đường bộ và tốc độ phát triển đô thị, khu cụm công nghiệp và dịch vụ nên quy mô các tuyến đường nhỏ, chủ yếu là cấp III, IV, V chưa đáp ứng được yêu cầu hiện tại và tương lai.

- Công tác cấm mốc quy hoạch, quản lý hành lang đường bộ còn hạn chế ở hầu hết các địa phương. Quy hoạch đầu nối vào Quốc lộ gặp nhiều khó khăn do nhiều dự án đầu tư có điểm đầu nối vào quốc lộ không phù hợp với quy hoạch.

- Nguồn lực thực hiện hạn chế dẫn đến nhiều mục tiêu quy hoạch chưa thực hiện được và phải chuyển giai đoạn đầu tư: Quốc lộ 37 đoạn Kép - Ngã tư Thân - cầu Cẩm Lý và xây dựng cầu đường bộ Cẩm Lý tách khỏi đường sắt đến nay chưa có kế hoạch thực hiện; QL31 đoạn thành phố Bắc Giang - Chũ không được đầu tư. Nhiều tuyến đường tỉnh (291, 289, 299B, 294, 298B,...) và cầu yếu, hẹp, tràn, cầu vượt chưa được nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới; Việc nâng cấp các tuyến đường huyện lên đường tỉnh, mở mới các tuyến đường tỉnh thực hiện còn hạn chế; kết nối giữa các loại hình giao thông (tới cảng, bến thủy, nhà ga...) nhằm phân bổ lại thị phần và nâng cao hiệu quả vận tải mặc dù được quan tâm nhưng do nguồn lực hạn chế nên hiệu quả chưa cao. Thị phần đầu tư chưa cân đối, chủ yếu tập trung cho ngành đường bộ, đường thủy nội địa khó khăn do phụ thuộc nhiều vào trung ương. Công tác đầu tư cảng, bến bãi chủ yếu phụ thuộc doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân thực hiện.

- Các đô thị cơ bản quy hoạch có hệ thống đường vành đai, tuy nhiên việc đầu tư xây dựng còn hạn chế (thành phố Bắc Giang, Hiệp Hòa, Lục Nam đang đầu tư nhưng chưa hoàn thiện); các trục quốc lộ, đường tỉnh đều đóng vai trò là các trục chính đô thị tại thành phố Bắc Giang và các trung tâm huyện ảnh hưởng trực tiếp đến lưu thông trên tuyến.

- Công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng GTVT còn gặp khó khăn do lưu lượng phương tiện gia tăng, tình trạng xe quá khổ, quá tải, lấn chiếm hành lang an toàn giao thông vẫn tiếp diễn phức tạp.

- Nâng cấp đường huyện lên đường tỉnh, mở mới đường tỉnh thực hiện chưa nhiều dẫn đến khả năng kết nối mạng giữa hệ thống đường xã - đường huyện - đường tỉnh - quốc lộ còn hạn chế. Mạng đường GTNT (đường huyện, đường xã) cơ bản được quan tâm cứng hóa, tuy nhiên cấp hạng kỹ thuật còn thấp.

- Hệ thống đường thủy chưa thực sự phát huy được thế mạnh của tỉnh, nhiều tuyến sông đã được nạo vét, nhưng khả năng tiếp cận, kết nối giữa đường bộ tới các bến đường thủy nội địa còn hạn chế. Đường thủy địa phương quản lý chưa được cải tạo để đưa vào khai thác.

2.3 Nguyên nhân tồn tại:

- Kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn, Đảng và Nhà nước có nhiều chủ trương, giải pháp nhằm tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội, cắt giảm đầu tư công; nhiều công trình, dự án giao thông bị đình hoãn, giãn tiến độ. Hạ tầng giao thông đường thủy nội địa do trung ương quản lý nên việc đầu tư bị phụ thuộc.

- Quy hoạch có những dự báo chưa sát nên quy mô một số tuyến đường chưa đáp ứng yêu cầu do phương tiện vận tải tăng nhanh; cơ chế chính sách chưa ứng phó phù hợp.

- Do có sự thay đổi phát sinh - thu hút và mục tiêu của chuyển đi theo chiều hướng của phát triển nhiều KCN, cụm CN, các khu du lịch... tác động nhu cầu về giao thông và vận tải trong tỉnh.

- Công tác giải phóng mặt bằng khó khăn, chậm triển khai dự án, xử lý các sai phạm về xây dựng, hành lang đường bộ còn hạn chế ở hầu hết các địa phương.

PHẦN II: ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG CỤC BỘ QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG VẬN TẢI ĐẾN NĂM 2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

I. Những nội dung điều chỉnh, bổ sung

Quy hoạch GTVT tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 được điều chỉnh, bổ sung cục bộ, tập trung vào một số nội dung theo Kết luận số 122-KL/TU ngày 01/10/2018 của Tỉnh ủy Bắc Giang, cụ thể:

1. Đường bộ:

- Mạng lưới: Bổ sung, điều chỉnh về mạng lưới đường bộ (ĐT, GTNT) đảm bảo tính kết nối phục vụ công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, kết nối vùng và khai phá những vùng lợi thế về đất.

- Đường tỉnh: Bổ sung một số tuyến đường kết nối; bổ sung tuyến đường

huyện thành đường tỉnh và đường tỉnh quản lý; Điều chỉnh quy mô một số tuyến phù hợp nhu cầu phát triển GTVT, bổ sung các cầu trên sông.

- GTNT: Điều chỉnh tỉ lệ cứng hóa, điều chỉnh số lượng, giai đoạn những tuyến đã quy hoạch thành đường tỉnh về đường huyện quản lý.

2. Đường thủy nội địa: Bổ sung cảng đường thủy nội địa vào quy hoạch GTVT; xây dựng các tuyến đường kết nối với các loại hình giao thông khác.

II. Điều chỉnh QH GTVT đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030

1. Nội dung điều chỉnh, bổ sung cục bộ Quy hoạch phát triển kết cấu HTGT đến năm 2020.

1.1. Đường bộ.

a. Quốc lộ, cao tốc:

- Quốc lộ 17: Điều chỉnh cục bộ hướng tuyến đoạn Km72+800 – Km 74+750 theo hướng mới đi thẳng nối trực tiếp từ Km72+800 – Km 74+ 750 (không sử dụng đoạn tuyến đường cũ).

- Tuyến kết nối cao tốc Hà Nội – Lạng Sơn và Hà Nội – Thái Nguyên: Điều chỉnh thành tuyến kết nối cao tốc Hà Nội – Thái Nguyên với QL37.

- Điều chỉnh, bổ sung hệ thống đường gom hai bên cao tốc Hà Nội – Lạng Sơn (đi qua huyện Việt Yên, Yên Dũng, Lạng Giang và thành phố Bắc Giang) dài 78km; theo quy mô tối thiểu cấp III.

b. Đường tỉnh: Các tuyến đường tỉnh hiện có.

- Đường tỉnh 298, 292, 290: Điều chỉnh quy mô từ cấp IV lên cấp III;

- Đường tỉnh 299: Điều chỉnh quy mô đoạn QL31- Neo – Đồng Việt từ cấp IV lên cấp III; bổ sung cầu Đồng Việt kết nối sang tỉnh Hải Dương.

- Đường tỉnh 289: Điều chỉnh quy mô đoạn Chũ – Khuôn Thần từ cấp IV lên cấp III; bổ sung cầu Chũ mới.

- Đường tỉnh 288: Điều chỉnh quy mô đoạn Thắng – Gầm từ cấp IV lên cấp III.

- Đường vành đai IV: Điều chỉnh giai đoạn thực hiện cầu vượt QL1 kết nối với khu công nghiệp Quang Châu từ sau năm 2020 về trước năm 2020; Điều chỉnh hướng tuyến đoạn cuối tuyến đi qua Xuân Cẩm, kết nối với nút giao Bắc Phú huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

c. Mở mới tuyến: Ngoài các tuyến trong quy hoạch, thực hiện bổ sung và điều chỉnh 07 tuyến:

- Tuyến Cảnh Thụy - Neo - Nham Sơn - Yên Lư huyện Yên Dũng kết nối với đường khu công nghiệp Vân Trung, Quang Châu và kết nối với đường Vành đai IV địa phận tỉnh Bắc Giang (tuyến giao cắt QL17 kết nối với sang tỉnh Bắc Ninh), dài 17Km, quy mô cấp III;

- Tuyến kết nối QL31-ĐT 293 Lục Nam, dài 3.5Km, quy mô cấp III;

- Tuyến kết nối ĐT 296 đến đường vành đai IV huyện Hiệp Hòa, dài 7,6km, quy mô cấp IV;

- Tuyến Dương Đức – Nghĩa Hưng – Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang (kết nối ĐT 292 và ĐT 295) dài 11 km, quy mô cấp III.

- Tuyến kết nối ĐT 298 đến đường vành đai IV (Qua địa bàn Hoàng Ninh, Quảng Minh, Trung Sơn) huyện Việt Yên, dài 7km, quy mô cấp III.

- Tuyến kết nối ĐT 293 - cảng Mỹ An - QL31, huyện Lục Nam và Lục Ngạn, dài 10 km, quy mô cấp III và xây dựng cầu mới vượt sông Lục Nam.

- Điều chỉnh tuyến Tam Dị - Đông Hưng – Chũ (Lục Ngạn) thành tuyến Tam Dị - Đông Hưng (Lục Nam) - Quý Sơn (Lục Ngạn) - Hồng Giang (Lục Ngạn) dài 36km, quy mô cấp III.

d. Giao thông nông thôn:

- Đường huyện: Tỷ lệ cứng hóa mặt đường từ 87 - 90% thành đạt 100%;

- Đường xã: Tỷ lệ cứng hóa mặt đường xã từ 58,5-65% thành 70%

- Đường thôn, xóm: Nâng cấp đường thôn, bản đạt loại B, cứng hoá từ 55-60% thành 75- 80%.

e. Giao thông đô thị: Giữ nguyên theo quy hoạch.

3.1.2. Đường thủy nội địa

a. Tuyến đường thủy: Giữ nguyên theo quy hoạch được duyệt.

b. Cảng đường thủy nội địa: Thực hiện theo QĐ 1112/QĐ – BGTVT ngày 26/4/2013 của Bộ GTVT và Quyết định số 765/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh phê duyệt đề án phát triển cảng, bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020; trong đó: Bổ sung danh mục cảng vào quy hoạch gồm:

- Cảng chuyên dùng: Cảng Xăng dầu Quang Châu, cảng Mỹ An, cảng Thạch Bàn, cảng Tân Tiến, cảng Trí Yên, cảng Hòa Phú, cảng Hợp Thịnh, cảng Khám Lạng, cảng Yên Lư.

- Cảng hành khách: Cảng Chùa Vĩnh Nghiêm.

c. Xây dựng tuyến đường kết nối giữa cảng và đường bộ: Đường kết nối cảng đồng Sơn với QL1, tuyến đường từ cảng Quang Châu với khu công nghiệp Quang Châu và QL1, tuyến kết nối ĐT 293 đến cảng Tân Tiến, tuyến kết nối QL17 với cảng Thạch Bàn... quy mô tối thiểu cấp IV.

2. Nội dung điều chỉnh, bổ sung cục bộ Quy hoạch phát triển kết cấu HTGT giai đoạn 2021-2030.

a. Các tuyến đường tỉnh hiện có:

- Đường tỉnh 288: Điều chỉnh cắt giảm 1,5 km đầu tuyến về đường huyện quản lý; bổ sung 1,5km từ điểm đầu nhánh 3 đường Vành đai IV đến đê sông Cầu quy mô cấp III; bổ sung 01 cầu vượt sông Cầu.

- Đường tỉnh 293: Điều chỉnh quy mô đoạn thành phố Bắc Giang - QL37 dài 20Km III lên cấp II.

- Đường tỉnh 298B: Điều chỉnh chuyển toàn bộ ĐT 298B hiện trạng thành đường huyện. ĐT 298B mới bắt đầu từ ĐT 295B (Hồng Thái) - ĐT 298 (Km 14+200) - QL37 (km 77+200) - Chùa Bồ Đà và kết thúc tại đê sông Cầu. Chiều dài 14,5km, Quy mô cấp III; xây dựng cầu vượt sông Cầu.

- Đường tỉnh 299B: Điều chỉnh điểm cuối từ nút giao tuyến nhánh 1-ĐT293 về cổng UBND xã Trí Yên.

- b. Quy hoạch các tuyến thành đường tỉnh (07 tuyến):
- Tuyến Tam Dị - Đông Hưng - Quý Sơn - Hồng Giang dài 26km, quy mô cấp III.
 - Tuyến kết nối Khu Khuôn Thần huyện Lục Ngạn với cao tốc Bắc Giang – Lạng Sơn, dài 10km, quy mô cấp IV.
 - Tuyến QL31- Hồ Suối Nứa - Đông Hưng huyện Lục Nam kết nối tỉnh Lạng Sơn, dài 17Km, quy mô cấp III.
 - Tuyến Cảnh Thụy - Nham Sơn - Yên Lư huyện Yên Dũng kết nối với đường khu công nghiệp Vân Trung, Quang Châu, huyện Việt Yên; dài 17Km, quy mô cấp III;
 - Tuyến Mực - Đèo Kiếm (Sơn Động), kết nối với tỉnh Quảng Ninh, chiều dài tuyến 11,0Km, quy mô cấp IV.
 - Tuyến kết nối ĐT 293 - cảng Mỹ An - QL31, huyện Lục Nam và Lục Ngạn, dài 10 km, quy mô cấp III.
 - Đường gom hai bên cao tốc Hà Nội – Bắc Giang (đi qua huyện Việt Yên, Yên Dũng, Lạng Giang và thành phố Bắc Giang) dài 78km, quy mô cấp III.
- c. Bổ sung quy hoạch một số tuyến mở mới (03 tuyến):
- Tuyến Hồ Suối Nứa - ĐT 289 huyện Lục Nam, dài 10km, quy mô cấp III;
 - Tuyến tránh thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa từ Lương Phong (Km87+600 QL37) đến Hoàng An (Km94, QL37), dài 7,6km, quy mô cấp III.
 - Tuyến kết nối ĐT294 đến QL37 (qua địa bàn xã Đại Hóa, Song Vân, Ngọc Vân huyện Tân Yên; xã Thượng Lan, Việt Tiến huyện Việt Yên) dài 16km, quy mô cấp III.
- d. Bổ sung tuyến đường huyện lên đường tỉnh quản lý (02 tuyến) nhằm mục tiêu hỗ trợ địa phương trong công tác quản lý và bảo trì công trình:
- Tuyến Liên Chung - Việt Lập - Ngọc Lý, huyện Tân Yên (dài 19,9km).
 - Tuyến Bì (Ngọc Thiện) - Thượng Lan - QL37 (Quán Rãnh).
- e. Điều chỉnh bỏ tuyến đường huyện lên đường tỉnh quản lý (02 tuyến):
- Tuyến Kế (Thành phố Bắc Giang) - Hương Gián (Yên Dũng) do chuyển về đường đô thị.
 - Tuyến Làng Tự (QL.37) - Dương Huy do chuyển thành ĐT 298B.

Ghi chú: Các tuyến đường đi qua khu đô thị, đường gom có quy hoạch xây dựng sẽ thực hiện đầu tư theo quy mô quy hoạch được duyệt.

III. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư và Nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn đến năm 2020.

1. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư: Có phụ lục số 01 kèm theo.

2. Nhu cầu vốn đầu tư.

2.1 Tổng vốn đầu tư: Nhu cầu vốn đầu tư xây dựng giai thông đường bộ, đường thủy Giai đoạn 2018 – 2020 dự tính tổng vốn khoảng 14.289 tỷ đồng.

- Đường bộ 9.489 tỷ đồng.
- Giao thông nông thôn: 4200 tỷ đồng.
- Bảo trì: 100 tỷ đồng.
- Cảng đường thủy: 500 tỷ đồng.

2.2 Nguồn vốn: Vốn đầu tư xây dựng gồm TPCP, BOT, vốn ngân sách, PPP,

vốn doanh nghiệp và vốn xã hội hóa; trong đó:

- Vốn NSTW, TPCP: 1.399 tỷ đồng
- Vốn NSĐP: 5.078 tỷ đồng.
- Vốn PPP: 4.812 tỷ đồng.
- Vốn Doanh nghiệp: 500 tỷ đồng.
- Vốn nhân dân: 2500 tỷ đồng.

3. Nhu cầu sử dụng đất: 1.300,00 ha (có phụ lục số 02 kèm theo).

PHẦN III: CÁC GIẢI PHÁP, CHÍNH SÁCH CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH VÀ CÁC NỘI DUNG KHÁC:

I. Các giải pháp, chính sách chủ yếu: Giữ nguyên theo quy hoạch được duyệt gồm:

- Giải pháp, chính sách quản lý nhà nước;
- Giải pháp, chính sách tạo vốn phát triển GTVT;
- Giải pháp, chính sách về khoa học công nghệ;
- Giải pháp, chính sách về bảo trì;
- Giải pháp, chính sách về phát triển nguồn nhân lực;
- Giải pháp, chính sách tuyên truyền, khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển GTVT;
- Giải pháp, chính sách đảm bảo an toàn giao thông;
- Giải pháp, chính sách bảo vệ môi trường.

II. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030./.

**CƠ QUAN LẬP ĐIỀU CHỈNH
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**



Phụ lục 01. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư và nhu cầu vốn đến năm 2020.
(Kèm theo Báo cáo điều chỉnh quy hoạch GTVT của Sở GTVT)

TT	Công trình	Khối lượng (km)	2018-2020		Nguồn	Ghi chú
			TCKT	Vốn (tỷ đồng)		
	Tổng vốn	443,15		11.993		
I	Các dự án đang thi công	157,6		6.251		
1	Cao tốc Bắc Giang – Lạng Sơn đoạn cầu QL31 – Cầu Lường	20,5	2-4 làn xe	2.650	BOT	Đang thi công
2	Cải tạo, nâng cấp QL 37 đoạn Km 72-Km 83	11,0	Cấp III	59	NSTW	Đang thi công
3	Cải tạo, nâng cấp QL 37 đoạn Km 70-Km 72	2,0	Cấp III	14,8	NSDP	Đang thi công
4	Cải tạo nâng cấp ĐT 295 Tam Dị - Đồi Ngô, huyện Lục Nam.	10,0	Cấp III	130	NSDP	Đang thi công theo từng đoạn
5	Xây dựng tuyến đường nối cầu Bến Đám đi ĐT 293.	3,8	Cấp III	59	NSDP	đang thi công
6	Xây dựng Cầu Đồng Sơn và đường lên cầu	10,6	Cấp III và đ. ĐT	1.163	BT	Đang thi công
7	Xây dựng đường trục Cụm CN Nghĩa Hòa (nối QL với ĐT 292)	4,0	Cấp III	135	BT	Đang thi công
8	ĐT 293 đoạn Thanh Sơn – Hạ My (dự án chuyển tiếp)	13,7	Cấp III	275	TPCP	Đang thi công
9	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 288, huyện Hiệp Hòa.	7,2	Cấp IV	50	NSDP	Đang thi công
10	Đường nối ĐT 293- cảng Mỹ An	5,3	Cấp III	120	NSDP	Đang thi công
11	ĐT 289 kéo dài (đoạn từ thị trấn Chũ đi Đồng Đình)	16,0	Cấp IV	200	BT	Đang thi công
12	Đường Vành đai IV tỉnh Bắc Giang và các tuyến nhánh.	35,4	Cấp III	1.230	TPCP, NSDP	Đang thi công
13	Tuyến kết nối ĐT292 - QL37 thuộc huyện Lạng Giang	10,8	Cấp III	139	NSDP	Đang thi công
14	Cải tạo nâng cấp tuyến Hương Mai – Song Vân đoạn Km 8-Km11+332	7,3	Cấp V	26	NSDP	Đang thi công
II	Các dự án có chủ trương đầu tư và đang lập dự án đầu tư	153,85		3.239		
1	Đường nối ĐT 296 với vành đai IV	6,8	Cấp IV	203	BT	Đang lập dự án
2	Cải tạo nâng cấp QL37 km 83+300-Km88+100 và km 90+000-Km91+400	6,0	Cấp III	89,4	NSDP	Đang lập dự án

TT	Công trình	Khối lượng (km)	2018-2020		Nguồn	Ghi chú
			TCKT	Vốn (tỉ đồng)		
3	Cải tạo nâng cấp ĐT 398 đoạn Đồng Việt – Neo (km 0+000-Km8+300) và QL17 đoạn cống Kem – Tiên Phong (km 55+000-Km60+052)	13,35	Cấp IV, III	247	NSDP	Đang lập dự án
4	Cải tạo nâng cấp ĐT 294 đoạn ngã ba Tân Sỏi – Phúc Sơn	13,25	Cấp III	280,5	BT	Đang lập dự án
5	Cải tạo nâng cấp ĐT 292 trên địa bàn huyện Lạng Giang	8,3	Cấp III	180,4	BT	Đang trình dự án
6	Cải tạo nâng cấp ĐT 292 trên địa bàn huyện Yên Thế	10	Cấp III	120	NSDP	Có chủ trương
7	Cải tạo, nâng cấp QL 31 đoạn Km 17+800-Km 38+600	20,8	Cấp III	280	NSDP	Đang lập dự án
8	Cải tạo nâng cấp ĐT 295B đoạn Lạng Giang - TPBG	4	Cấp III	60	NSDP	Đã có dự án
9	Xây dựng cầu vượt dân sinh QL1 và QL37			28,7	NSDP	Đã có dự án
10	Xây dựng đường nối QL17 với QL37	5,75	Cấp III	218	NSDP	Đang lập dự án
11	Xây dựng cầu vượt QL1, kết nối đường vành đai IV với KCN Quang Châu và mở rộng đường gom QL1	4,95	Cầu rộng 13m, dài 202m	312	NSDP	Đang lập dự án
12	Xây dựng cầu vượt nút giao đường Xương Giang nối NTMK với đường Trần Quang Khải	0,45	Cầu rộng 13m	201	NSDP	Đang lập dự án
13	Cải tạo, nâng cấp QL 17 đoạn Km 72+500-Km 88	15	Cấp III	177,5	NSTW, NSDP	Đã phê duyệt dự án
14	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 289 Chũ – Khuôn Thân	9,7	Cấp III	214	NSDP	Đang lập dự án
15	Tuyến Cảnh Thụy – Nham Sơn – Yên Lư – Vân Trung (Việt Yên)	17	Cấp III	460	NSDP	Đã có dự án
16	Tuyến kết nối QL31-ĐT 293 Lục Nam	3,5	Cấp III	62	NSDP	Đã có dự án
34	Tuyến Tam Dị - Đông Hưng – Quý Sơn – Hồng Giang	15	Cấp III	105	NSDP	GPMB và làm nền
III	Các dự án dự kiến đầu tư sau năm 2020	131,7		2.504		
1	Tuyến kết nối Tân Yên – Việt Yên (QL37)	16,2	Cấp III	400	NSDP, BT	
2	Tuyến đường kết nối QL31 đến cảng Mỹ An (xây 01 cầu)	4,0	Cấp III	130	NSDP	
3	Tuyến kết nối đường cầu Đồng Sơn đến cảng tổng hợp Đồng Sơn	1,5	Cấp III	60	NSDP	

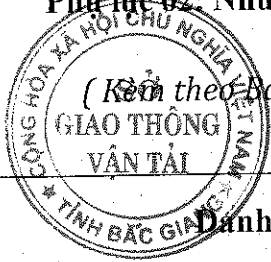
TT	Công trình	Khối lượng (km)	2018-2020		Nguồn	Ghi chú
			TCKT	Vốn (tỷ đồng)		
4	Tuyến đường kết nối Khu công nghiệp Quang Châu với cảng tổng hợp Quang Châu.	1,5	Cấp III	60	NSDP	
5	Đường nối cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên - QL37	8,0	Cấp III	700	BOT	
6	Cải tạo nâng cấp đường gom hai bên cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn địa bàn tỉnh Bắc Giang	42	Cấp III	504	NSDP	
7	Cải tạo, nâng cấp QL 17 đoạn Nhã Nam - Cầu Gồ	5.5	Cấp III	65	NSTW, NSDP	
8	Tuyến Tam Dị - Đông Hưng - Quý Sơn - Hồng Giang	36	Cấp III	360	NSDP	
9	QL31 - Hồ Suối Nứa kết nối với tỉnh Lạng Sơn	17	Cấp III	225	NSDP	

Ghi chú: Nhu cầu vốn đến năm 2020 là $6.251 + 3.239 = 9.489$ tỷ đồng; Trong đó:

- Vốn NSTW, TPCP = 1.399 tỷ đồng;
- Vốn NSDP: 3.278 tỷ đồng;
- Vốn NSDP: 3.278 tỷ đồng;

Phụ lục 02: Nhu cầu sử dụng đất bổ sung cho các công trình, dự án thực hiện giai đoạn 2018- 2020

(Kèm theo Báo cáo điều chỉnh quy hoạch GTVT của Sở GTVT)



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Diện tích thu hồi (ha)
1	Cải tạo, nâng cấp ĐT 295 (Ngọc Châu - Thị trấn Thắng).	H. Hiệp Hòa	9,50
2	Cải tạo, nâng cấp ĐT 295B (giai đoạn 2)	H. Lạng Giang	3,60
3	Đường tỉnh 289 (từ Khuôn Thân đi ĐT 293).	H. Lục Ngạn	25,50
4	Cải tạo, nâng cấp QL 37 đoạn Km 72-Km 83.	H. Việt Yên	4,4
5	Cải tạo nâng cấp ĐT 293 đoạn nối dài từ Thanh Sơn đến Hạ My.	H. Sơn Động	12,00
6	Cải tạo, nâng cấp QL 37 đoạn Km 70-Km 72	H. Việt Yên	0
7	Cải tạo, nâng cấp ĐT 294 (Tân Sỏi - Cầu Ca) huyện huyện Yên Thế.	H. Yên Thế	9,00
8	Cải tạo, nâng cấp QL 17 đoạn Km 72+500-Km 88.	H. Việt Yên, Tân Yên	15,5
9	Cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn.	TP Bắc Giang, Lạng Giang	62,50
10	Cải tạo, nâng cấp QL31 đoạn Lục Nam – Chũ.	H. Lục Nam, LN	20,0
11	Cải tạo, nâng cấp QL 17 đoạn Nhã Nam – Cầu Gò.	H. Yên Thế	5,5
12	Đường nối ĐT 296 với vành đai IV.	H. Hiệp Hòa	13,60
13	Cải tạo nâng cấp QL37 km 83+300-Km88+100.	H. Hiệp Hòa	2,5
14	Đường nối QL17 với QL37 (tuyến PT05).	H. Việt Yên	11,00
15	Đường vành đai IV.	H. Việt Yên, HH	46,50
16	Cải tạo nâng cấp ĐT 398 đoạn Đồng Việt – Neo (km 0+00-Km8+300) và QL17 đoạn cống Kem – Tiên Phong (km 55+000-Km60+052).	H. Yên Dũng	10,5
17	Cải tạo nâng cấp ĐT 292.	H. Lạng Giang, Yên Thế	15,00
18	Cải tạo nâng cấp ĐT 295 Tam Dị - Đồi Ngô, huyện Lục Nam.	H. Lục Nam	8,00
19	Xây dựng tuyến kết nối cầu Bến Đám đi ĐT 293.	H. Yên Dũng	7,00
20	Xây dựng cầu vượt QL1, kết nối với đường vành đai IV với khu CN Quang Châu và mở rộng đường gom QL1.	H. Việt Yên	3,6
21	Xây dựng đường trục Cụm Công nghiệp Nghĩa	H. Lạng Giang	8,0

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Diện tích thu hồi (ha)
	Hòa (nối QL1 với ĐT 292).		
22	Xây dựng Cầu Đồng Sơn và đường lên cầu.	H. Yên Dũng, TPBG	38,0
23	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 288.	H. Hiệp Hòa	4,5
24	Đường vành đai IV tỉnh BG.	H. Việt Yên, Hiệp Hòa	70,0
25	Đường nối ĐT 293 đi cảng Mỹ An – QL31.	H. Lục Nam, Lục Ngạn	18,5
26	Tuyến Cảnh Thụy – Nham Sơn – Yên Lư – Vân Trung (Việt Yên).	H. Yên Dũng, Việt Yên	35,0
27	Tuyến kết nối QL31-ĐT 293 Lục Nam.	H. Lục Nam	7,5
28	Cải tạo nâng cấp tuyến Hương Mai – Song Vân đoạn Km 8-Km11+332.	H. Việt Yên	2,0
29	Tuyến kết nối Lạng Giang (ĐT292) - Tân Yên - Việt Yên (QL37).	H. Lạng Giang, Tân Yên, Việt Yên	46,0
30	Tuyến Tam Dị - Đông Hưng – Quý Sơn – Hồng Giang (GPMB 15km).	H. Lục Nam, Lục Ngạn	30
31	Tuyến đường kết nối đường cầu Đồng Sơn đến cảng tổng hợp Đồng Sơn.	TP Bắc Giang	2,7
32	Tuyến đường kết nối Khu công nghiệp Quang Châu với cảng tổng hợp Quang Châu.	H. Việt Yên	2,5
33	Giao thông nông thôn.	Toàn tỉnh	750
	Tổng cộng		1.300,00

TỜ TRÌNH

Về việc **Thông qua điều chỉnh, bổ sung cục bộ quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.**

Kính gửi : - UBND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 của Tỉnh ủy Bắc Giang về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030.

Căn cứ điều kiện thực tế và nhu cầu phát triển kết cấu giao thông đường bộ, đường thủy trong thời gian tới.

Thực hiện Kết luận số 122-KL/TU ngày 01/10/2018 của Tỉnh ủy Bắc Giang và chỉ đạo của UBND tỉnh; Sở Giao thông vận tải Bắc Giang đã thực hiện tham mưu lập điều chỉnh, bổ sung cục bộ quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Thường trực UBND tỉnh và Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Sở GTVT trình UBND tỉnh những nội dung điều chỉnh, bổ sung cục bộ quy hoạch GTVT như sau:

1. Sự cần thiết điều chỉnh quy hoạch:

Quy hoạch phát triển Giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 28/7/2015. Đến nay, sau hơn 03 năm thực hiện, được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các Bộ ngành trung ương, ngành giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Việc huy động nguồn lực cho đầu tư mới, cải tạo, nâng cấp hạ tầng giao thông, nhất là đường bộ thu được kết quả quan trọng như: Tuyến cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn (đoạn Hà Nội - Bắc Giang đã hoàn thành đầu tư và đưa vào khai thác sử dụng năm 2016; đoạn Bắc Giang - Lạng Sơn đang tập trung thi công, dự kiến hoàn thành trong năm 2019); một số tuyến đường giao thông quan trọng đã được đầu tư: ĐT 290, ĐT295, đường Vành đai IV Hà Nội địa phận tỉnh Bắc Giang, đường nối ĐT 293 đến cảng Mỹ An đang được đầu tư, thi công phần đầu hoàn thành vào năm 2020...; một số công trình cầu quan trọng cũng đã được đầu tư xây dựng mới như cầu Đồng Sơn, cầu Trần Quang Khải...

Trong giai đoạn này, Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030 và Kết luận số 43-KL/TU ngày 11/5/2017; Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 quy định chính sách hỗ trợ cứng hóa đường trục thôn, đường liên thôn và đường nội đồng gắn với giao thông liên thôn trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2017-2021 và Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 đã góp phần thực hiện nhiều mục tiêu của quy hoạch như thu hút vốn đầu tư, nâng cao chất lượng GTNT, hạ tầng giao thông đường thủy nội địa được quy hoạch thêm nhiều cảng và thu hút được nhà đầu tư,... chất lượng vận tải ngày một nâng cao, bước đầu đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, đảm bảo ATGT, nâng cao đời sống nhân dân, góp phần xóa đói giảm nghèo.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện quy hoạch giao thông vận tải của tỉnh vẫn còn một số hạn chế đó là: Chưa dự báo, đánh giá chính xác việc gia tăng mật độ giao thông đường bộ và tốc độ phát triển đô thị, khu cụm công nghiệp và dịch vụ, nên quy mô các tuyến đường nhỏ, chủ yếu là đường cấp IV, cấp V chưa đáp ứng được yêu cầu hiện tại và tương lai; giao thông đi lại, kết nối giữa các vùng trong và ngoài tỉnh còn hạn chế, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và của tỉnh. Một số trục giao thông quan trọng của tỉnh như QL31, QL37 đoạn Kép- ngã tư Thân - cầu Cẩm lý, QL17, ĐT292, ĐT294, ĐT289,... chưa được đầu tư; việc nâng cấp các tuyến đường huyện lên đường tỉnh, mở mới các tuyến đường tỉnh thực hiện chưa được nhiều dẫn đến khả năng kết nối giữa hệ thống đường xã, đường huyện, đường tỉnh với quốc lộ còn hạn chế. Đối với đường GTNT (đường huyện, đường xã) cơ bản được quan tâm cứng hóa, tuy nhiên cấp hạng còn thấp. Hệ thống đường thủy nội địa chưa thực sự phát huy thế mạnh của tỉnh, nhiều tuyến sông đã được nạo vét, nhưng khả năng tiếp cận, kết nối giữa đường bộ tới các bến đường thủy nội địa còn hạn chế.

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế trên và để phù hợp với chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và tình hình thực tế của tỉnh Bắc Giang trong thời gian tới, nhằm đảm bảo yêu cầu đầu tư các công trình giao thông và thu hút đầu tư trong thời gian tới nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết 113-NQ/TU ngày 22/7/2016, việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phát triển GTVT tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 là cần thiết để làm cơ sở triển khai thực hiện đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế, các quy định hiện hành.

2. Phạm vi và nội dung điều chỉnh quy hoạch:

2.1. Phạm vi điều chỉnh quy hoạch:

Căn cứ Kết luận số 122-KL/TU ngày 01/10/2018 của Tỉnh ủy Bắc Giang và tình hình thực tế, phạm vi điều chỉnh là điều chỉnh, bổ sung cục bộ lĩnh vực kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và đường thủy nội địa; các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 28/7/2015.

2.2. Mục tiêu của điều chỉnh cục bộ quy hoạch

- Đánh giá kết quả thực hiện phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và đường thủy nội địa giai đoạn 2015-2018 và cập nhật lại hiện trạng hệ thống đường bộ và đường thủy nội địa.

- Điều chỉnh quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và đường thủy nội địa phục vụ yêu cầu đầu tư trong thời gian qua và những năm tiếp theo nhằm đáp ứng mục tiêu Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 đã đề ra.

3.2. Những nội dung điều chỉnh, bổ sung

a. Đường bộ:

- Mạng lưới: Bổ sung, điều chỉnh về mạng lưới đường bộ (ĐT, GTNT) đảm bảo tính kết nối phục vụ công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, kết nối vùng và khai phá những vùng lợi thế về đất.

- Đường tỉnh: Bổ sung một số tuyến đường kết nối; Điều chỉnh quy mô một số tuyến phù hợp nhu cầu phát triển GTVT đến năm 2020 phục vụ yêu cầu đầu tư trong thời gian qua và những năm tiếp theo nhằm đáp ứng mục tiêu Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 đã đề ra, bổ sung các cầu trên sông. Sau năm 2020 thực hiện điều chỉnh, quy hoạch các tuyến đường huyện thành đường tỉnh quản lý và các tuyến đường huyện thành đường tỉnh.

- Giao thông nông thôn (GTNT): Điều chỉnh tỉ lệ cứng hóa, điều chỉnh số lượng, giai đoạn những tuyến đã quy hoạch thành đường tỉnh về đường huyện quản lý.

b. Đường thủy nội địa: Bổ sung cảng đường thủy nội địa vào quy hoạch GTVT; xây dựng các tuyến đường kết nối với các loại hình giao thông khác.

3. Điều chỉnh QH GTVT đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030

3.1. Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đến năm 2020.

3.1.1. Đường bộ.

a. Quốc lộ, cao tốc:

- Quốc lộ 17: Điều chỉnh cục bộ hướng tuyến đoạn Km72+800 – Km 74+750 theo hướng mới đi thẳng nối trực tiếp từ Km72+800 – Km 74+ 750 (không sử dụng đoạn tuyến đường cũ).

- Tuyến kết nối cao tốc Hà Nội – Lạng Sơn và Hà Nội – Thái Nguyên: Điều chỉnh thành tuyến kết nối cao tốc Hà Nội – Thái Nguyên với QL37.

- Điều chỉnh, bổ sung hệ thống đường gom hai bên cao tốc Hà Nội – Lạng Sơn (đi qua huyện Việt Yên, Yên Dũng, Lạng Giang và thành phố Bắc Giang) dài 78km; theo quy mô tối thiểu cấp III.

b. Đường tỉnh: Các tuyến đường tỉnh hiện có.

- Đường tỉnh 298, 292, 290: Điều chỉnh quy mô từ cấp IV lên cấp III;

- Đường tỉnh 299: Điều chỉnh quy mô đoạn QL31- Neo – Đồng Việt từ cấp IV lên cấp III; bổ sung cầu Đồng Việt kết nối sang tỉnh Hải Dương.

- Đường tỉnh 289: Điều chỉnh quy mô đoạn Chũ – Khuôn Thần từ cấp IV lên cấp III; bổ sung cầu Chũ mới.

- Đường tỉnh 288: Điều chỉnh quy mô đoạn Thăng – Gầm từ cấp IV lên cấp III.
- Đường vành đai IV: Điều chỉnh giai đoạn thực hiện cầu vượt QL1 kết nối với khu công nghiệp Quang Châu từ sau năm 2020 về trước năm 2020; Điều chỉnh hướng tuyến đoạn cuối tuyến đi qua Xuân Cẩm, kết nối với nút giao Bắc Phú huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

c. Mở mới tuyến: Ngoài các tuyến trong quy hoạch, thực hiện bổ sung và điều chỉnh 07 tuyến:

- Tuyến Cảnh Thụy – Neo - Nham Sơn – Yên Lư huyện Yên Dũng kết nối với đường khu công nghiệp Vân Trung, Quang Châu, Vành đai IV; dài 17Km, quy mô cấp III;

- Tuyến kết nối QL31-ĐT 293 Lục Nam, dài 3.5Km, quy mô cấp III;

- Tuyến kết nối ĐT 296 đến đường vành đai IV huyện Hiệp Hòa, dài 7,6km, quy mô cấp IV;

- Tuyến Dương Đức – Nghĩa Hưng – Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang (kết nối ĐT 292 và ĐT 295) dài 11 km, quy mô cấp III.

- Tuyến kết nối ĐT 298 đến đường vành đai IV (Qua địa bàn Hoàng Ninh, Quảng Minh, Trung Sơn) huyện Việt Yên, dài 7km, quy mô cấp III.

- Điều chỉnh tuyến Tam Dị - Đông Hưng (Lục Nam) – Chũ (Lục Ngạn) thành tuyến Tam Dị - Đông Hưng (Lục Nam) - Quý Sơn - Hồng Giang (Lục Ngạn) dài 36km, quy mô cấp III.

- Tuyến kết nối ĐT 293 - cảng Mỹ An - QL31, huyện Lục Nam và Lục Ngạn, dài 10 km, quy mô cấp III và xây dựng cầu mới vượt sông Lục Nam.

d. Giao thông nông thôn

- Đường huyện: Tỷ lệ cứng hóa mặt đường đạt 100%;

- Đường xã: Tỷ lệ cứng hóa mặt đường xã đạt 70%

- Đường thôn, xóm: Nâng cấp đường thôn, bản đạt loại B, cứng hoá 75- 80%.

e. Giao thông đô thị: Giữ nguyên theo quy hoạch.

3.1.2. Đường thủy nội địa

a. Tuyến đường thủy: Giữ nguyên theo quy hoạch được duyệt.

b. Cảng đường thủy nội địa: Thực hiện theo QĐ 1112/QĐ – BGTVT ngày 26/4/2013 của Bộ GTVT và Quyết định số 765/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh phê duyệt đề án phát triển cảng, bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020; trong đó: Bổ sung danh mục cảng vào quy hoạch gồm:

- Cảng chuyên dùng: Cảng Xăng dầu Quang Châu, cảng Mỹ An, cảng Thạch Bàn, cảng Tân Tiến, cảng Trí Yên, cảng Hòa Phú, cảng Hợp Thịnh, cảng Khám Lạng, cảng Yên Lư.

- Cảng hành khách: Cảng Chùa Vĩnh Nghiêm.

c. Xây dựng tuyến đường kết nối giữa cảng và đường bộ: Đường kết nối cảng đồng Sơn với QL1, tuyến đường từ cảng Quang Châu với khu công nghiệp Quang Châu và QL1, tuyến kết nối ĐT 293 đến cảng Tân Tiến, tuyến kết nối QL17 với cảng Thạch Bàn... quy mô tối thiểu cấp IV.

3.2. Điều chỉnh Quy hoạch phát triển KCHTGT giai đoạn 2021- 2030.

a. Các tuyến đường tỉnh hiện có:

- Đường tỉnh 288: Điều chỉnh cắt giảm 1,5 km đầu tuyến về đường huyện quản lý; bổ sung 1,5km từ điểm đầu nhánh 3 đường Vành đai IV đến đê sông Cầu quy mô cấp III; bổ sung 01 cầu vượt sông Cầu.

- Đường tỉnh 293: Điều chỉnh quy mô đoạn thành phố Bắc Giang - QL37 dài 20Km III lên cấp II;

- Đường tỉnh 298B: Điều chỉnh chuyển toàn bộ ĐT 298B hiện trạng thành đường huyện. ĐT 298B mới bắt đầu từ ĐT 295B (Hồng Thái) - ĐT 298 (Km 14+200) - QL37 (km 77+200) - Chùa Bô Đà và kết thúc tại đê sông Cầu. Chiều dài 14,5km, Quy mô cấp III; xây dựng cầu vượt sông Cầu.

- Đường tỉnh 299B: Điều chỉnh điểm cuối từ nút giao tuyến nhánh 1 – ĐT 293 về công UBND xã Trí Yên.

b. Quy hoạch các tuyến thành đường tỉnh (07 tuyến):

- Tuyến Tam Dị - Đông Hưng - Quý Sơn - Hồng Giang dài 36km, quy mô cấp III.

- Tuyến kết nối Khu Khuôn Thần huyện Lục Ngạn với cao tốc Bắc Giang – Lạng Sơn, dài 10km, quy mô cấp IV.

- Tuyến QL31- Hồ Suối Nứa - Đông Hưng huyện Lục Nam kết nối tỉnh Lạng Sơn, dài 17Km, quy mô cấp III.

- Tuyến Cảnh Thụy - Nham Sơn - Yên Lư huyện Yên Dũng kết nối với đường khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên, dài 17Km, quy mô cấp III;

- Tuyến Mục - Đèo Kiếm (Sơn Động), kết nối với tỉnh Quảng Ninh, chiều dài tuyến 11,0Km, quy mô cấp IV.

- Tuyến kết nối ĐT 293 - cảng Mỹ An - QL31, huyện Lục Nam và Lục Ngạn, dài 10 km, quy mô cấp III.

- Đường gom hai bên cao tốc Hà Nội – Bắc Giang (đi qua huyện Việt Yên, Yên Dũng, Lạng Giang và thành phố Bắc Giang) dài 78km, quy mô cấp III.

c. Bổ sung quy hoạch một số tuyến mở mới (03 tuyến):

- Tuyến Hồ Suối Nứa - ĐT 289 huyện Lục Nam, dài 10km, quy mô cấp III;

- Tuyến tránh thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa từ Lương Phong (Km87+600 QL37) đến Hoàng An (Km94, QL37), dài 7,6km, quy mô cấp III.

- Tuyến kết nối ĐT294 đến QL37 (qua địa bàn xã Đại Hóa, Song Vân, Ngọc Vân huyện Tân Yên; xã Thượng Lan, Việt Tiến huyện Việt Yên) dài 16km, quy mô cấp III.

d. Bổ sung tuyến đường huyện lên đường tỉnh quản lý (02 tuyến):

- Tuyến Liên Chung - Việt Lập - Ngọc Lý, huyện Tân Yên (dài 19,9km).

- Tuyến Bỉ (Ngọc Thiên) - Thượng Lan - QL37 (Quán Rãnh).

e. Điều chỉnh bỏ tuyến đường huyện lên đường tỉnh quản lý (02 tuyến):

- Tuyến Kê (TP. Bắc Giang) - Hương Gián (Yên Dũng) do chuyển về đường đô thị.

- Tuyến Làng Tự (QL.37) - Dương Huy do chuyển thành ĐT 298B.

4. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư và Nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn đến năm 2020.

4.1. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư và Nhu cầu vốn đầu tư (Có phụ lục 01 kèm theo).

4.2. Tổng vốn đầu tư:

a. Tổng vốn đầu tư: Nhu cầu vốn đầu tư xây dựng giai thông đường bộ, đường thủy Giai đoạn 2018 – 2020 dự tính tổng vốn khoảng 14.289 tỷ đồng.

- Đường bộ 9.489 tỷ đồng.
- Giao thông nông thôn: 4200 tỷ đồng.
- Bảo trì: 100 tỷ đồng.
- Cảng đường thủy: 500 tỷ đồng.

b. Nguồn vốn: Vốn đầu tư xây dựng gồm TPCP, BOT, vốn ngân sách, PPP, vốn doanh nghiệp và vốn xã hội hóa; trong đó:

- Vốn NSTW, TPCP: 1.399 tỷ đồng
- Vốn NSDP: 5.078 tỷ đồng.
- Vốn PPP: 4.812 tỷ đồng.
- Vốn Doanh nghiệp: 500 tỷ đồng.
- Vốn nhân dân: 2500 tỷ đồng.

5. Nhu cầu sử dụng đất: 1.300,0 0 ha (có phụ lục 02 kèm theo).

6. Các giải pháp và chính sách chủ yếu thực hiện quy hoạch: Giữ nguyên các giải pháp và chính sách theo quy hoạch được duyệt gồm:

- Giải pháp, chính sách quản lý nhà nước
- Giải pháp, chính sách tạo vốn phát triển GTVT
- Giải pháp, chính sách về khoa học công nghệ
- Giải pháp, chính sách về bảo trì
- Giải pháp, chính sách về phát triển nguồn nhân lực
- Giải pháp, chính sách tuyên truyền, khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển GTVT
- Giải pháp, chính sách đảm bảo an toàn giao thông
- Giải pháp, chính sách bảo vệ môi trường.

7. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

(Tờ trình này thay thế Tờ trình số 44/TTr-SGTVT ngày 10/6/2019 của Sở GTVT).

Sở Giao thông vận tải Bắc Giang kính đề nghị UBND tỉnh xem xét trình HĐND tỉnh thông qua điều chỉnh, bổ sung cục bộ quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 làm cơ sở để phê duyệt, triển khai quản lý quy hoạch và thực hiện các dự án trong thời gian tới. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở KH&ĐT;
- Lưu: VT.

Bản điện tử:

- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng: QLKHTGT, PC-AT;
- Phòng QLCL CTGT.



BÁO CÁO

Giải trình nội dung điều chỉnh, bổ sung cục bộ Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

Kính gửi : UBND tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ Kết luận số 104-KL/TU ngày 31/5/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Kết luận số 122-KL/TU ngày 01/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về một số nhiệm vụ trọng tâm trong quý IV/2018 và thời gian tới

Căn cứ chỉ đạo của UBND tỉnh giao Sở Giao thông vận tải rà soát, nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Đến nay, công tác lập, thẩm định điều chỉnh, bổ sung cục bộ quy hoạch đã cơ bản hoàn thành; Sở GTVT báo cáo giải trình các nội dung liên quan đến quá trình tham mưu điều chỉnh, bổ sung cục bộ Quy hoạch GTVT, với một số nội dung như sau:

1. Quá trình triển khai thực hiện điều chỉnh quy hoạch:

- Sở GTVT Quyết định thành lập Tổ tham mưu điều chỉnh Quy hoạch Phát triển giao thông vận tải đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 tại Quyết định số 781/QĐ-SGTVT ngày 16/8/2018.

- Xây dựng dự thảo nội dung điều chỉnh và xin ý kiến các ngành có liên quan, các huyện và UBND thành phố Bắc Giang tại Công văn số 4251/SGTVT-QLCL ngày 19/9/2018.

- Các ngành có liên quan, các huyện và UBND thành phố Bắc Giang đã có văn bản tham gia các nội dung liên quan đến điều chỉnh quy hoạch gồm: Sở Tư pháp tại văn bản số 892/STP-XD&KTrVB ngày 26/9/2018; Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 1773/SKHĐT-KTN ngày 28/9/2018; Sở Xây dựng tại văn bản số 2531/SXD-QHKT ngày 08/11/2018; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại văn bản số 1184/SNN-QLXDCT ngày 25/9/2018; Sở Tài Nguyên và Môi trường tại văn bản số 2549/TNMT-KHTC ngày 09/10/2018; Sở Công thương tại văn bản số 1077/SCT-QLCN ngày 21/11/2018; Ban Quản lý các Khu công nghiệp tại văn bản số 925/KCN-TNMT ngày 04/10/2018; UBND huyện Hiệp Hòa tại văn bản số 2198/UBND-KT&HT ngày 01/10/2018 và số 2455/UBND-KT&HT ngày 29/10/2018; UBND huyện Việt Yên tại văn bản số 1528/UBND-KT&HT ngày 28/9/2018 và số 1691/UBND-KT&HT ngày 25/10/2018; UBND huyện Yên Dũng tại văn bản số 1318/UBND-GT ngày 12/10/2018 và số 249/BC-UBND ngày

30/10/2018; UBND thành phố Bắc Giang tại văn bản số 2506/UBND-QLĐT ngày 26/9/2018; UBND huyện Lạng Giang tại văn bản số 1359/UBND-KTHT ngày 01/10/2018; UBND huyện Lục Ngạn tại văn bản số 418/UBND-KTHT ngày 28/9/2018; UBND huyện Tân Yên tại văn bản số 1978/UBND-KTHT ngày 30/11/2018.

- Sở GTVT tổ chức họp xin ý kiến 2 lần với các huyện và thành phố Bắc Giang để thống nhất các nội dung điều chỉnh.

- Báo cáo Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách khối vào các ngày 18/02 và 09/5/2019.

- Trình UBND tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tại Tờ trình số 25/TTr-SGTVT ngày 28/3/2019.

Tại các cuộc họp, thảo luận đã thống nhất nội dung: Theo Luật Quy hoạch, Quy hoạch phát triển giao thông vận tải là quy hoạch ngành và sẽ được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh; trong thời gian Quy hoạch tỉnh chưa được phê duyệt thì được tiếp tục thực hiện cho đến khi Quy hoạch tỉnh được phê duyệt theo quy định của Luật Quy hoạch. Do vậy, quan điểm điều chỉnh quy hoạch chỉ tập trung điều chỉnh, bổ sung cục bộ một số nội dung thực sự cấp thiết để đảm bảo tính pháp lý và điều kiện cho việc triển khai thực hiện một số dự án đã, đang và sẽ triển khai thực hiện trong thời gian tới. Phạm vi điều chỉnh giai đoạn đến năm 2020 là điều chỉnh, bổ sung cục bộ hướng tuyến, quy mô, giai đoạn đầu tư một số tuyến đường; bổ sung mới một số tuyến đường, công trình cầu; điều chỉnh tỷ lệ cứng hóa đường GTNT; bổ sung quy hoạch một số cảng thủy nội địa và tuyến đường kết nối các cảng với giao thông đường bộ. Giai đoạn đến năm 2030 điều chỉnh, bổ sung một số nội dung về tầm nhìn đến năm 2030 để định hướng khi nghiên cứu, xây dựng Quy hoạch tỉnh; các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 và sẽ cập nhật vào Quy hoạch tỉnh.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư sau khi thẩm định đã trình UBND tỉnh phê duyệt tại Tờ trình số 35/TTr-SKHĐT ngày 22/4/2019.

- Thường trực UBND họp và có thông báo số 141/TB-UBND ngày 16/5/2019.

- Thường trực Tỉnh ủy họp và có thông báo số 568-TB/TU ngày 29/5/2019 và thông báo số 575-TB/TU ngày 04/6/2019.

2. Giải trình nội dung theo thông báo của Thường trực Tỉnh ủy.

- Tại Thông báo số 568-TB/TU ngày 29/5/2019 có yêu cầu:

+ Mở rộng ĐT 296 từ cấp IV lên cấp III: Tại Quyết định phê duyệt quy hoạch số 308/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 của UBND tỉnh đã quy hoạch ĐT 296 theo quy mô đường cấp III.

+ Quy hoạch mở rộng ĐT 293 phù hợp yêu cầu phát triển sau này: Trên cơ sở Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 04/12/2013 của UBND tỉnh phê duyệt Quy

hoạch dọc hai bên ĐT 293 và điều kiện giao thông thực tế; Sở GTVT đã tiếp thu và đề xuất điều chỉnh quy mô ĐT 293 đoạn thành phố Bắc Giang đến điểm giao QL37 từ cấp III lên cấp II (nền rộng 22,5m, mặt đường 2x7,5m, địa phân cách giữa 1,5m, lề đất 2x3,0=6,0m).

- Tại Thông báo số 575-TB/TU ngày 04/6/2019 yêu cầu nghiên cứu phương án kết nối đường Vành đai IV với QL17 đi Quế Võ – Bắc Ninh: Đường vành đai IV kết nối QL17 theo hai hướng:

+ Hướng thứ nhất: Đi theo đường gom cao tốc về nút giao cầu vượt QL37 đi theo đường quy hoạch (đã có chủ trương đầu tư) giao với QL17 (nút giao với đường lên cầu Đồng Sơn) và đi tiếp QL17 về công Kem qua cầu Yên Dũng sang Quế Võ - Bắc Ninh.

+ Hướng thứ hai: từ nút giao vành đai IV với cao tốc đi theo trục đường đôi thuộc Khu công nghiệp Quang Châu kết nối với trục đường Cảnh Thụy – Nham Sơn – Yên Lư do huyện Yên Dũng đang lập dự án. Tuyến đi từ đầu tuyến giao với QL17 tại khu vực cụm công nghiệp Nham Sơn – Yên Lư đi tiếp sang Bắc Ninh.

Như vậy Đường vành đai IV kết nối QL17 sang Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh đã có quy hoạch và thực tế để kết nối.

Sở Giao thông vận tải Bắc Giang báo cáo UBND tỉnh nội dung, quá trình lập và giải trình các nội dung liên quan đến điều chỉnh, bổ sung cục bộ quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030./.

Nơi nhận: *AB*

- Như trên;
- Sở KH&ĐT;
- Lưu: VT.

Bản điện tử:

- Lãnh đạo Sở;
- Phòng QLCL CTGT.

GIÁM ĐỐC



Bùi Thế Sơn

Số: 68 /TTr-SKHĐT

Bắc Giang, ngày 13 tháng 6 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung cục bộ quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

Kính gửi: Chủ tịch UBND tỉnh

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008; Luật Giao thông đường thủy ngày 15/6/2004;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 7/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 7/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội;

Căn cứ Quyết định số 269/QĐ-TTg ngày 02/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Tờ trình số 44/TTr-SGTVT ngày 10/6/2019 của Sở Giao thông vận tải về việc thông qua điều chỉnh điều chỉnh, bổ sung cục bộ quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Sau khi nghiên cứu, xem xét, căn cứ vào điều kiện thực tế và nhu cầu phát triển kết cấu giao thông đường bộ, đường thủy nội địa trong thời gian tới, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo và đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua "Điều chỉnh, bổ sung cục bộ quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030" với những nội dung chủ yếu sau:

1. Lý do điều chỉnh cục bộ quy hoạch

Quy hoạch phát triển Giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 28/7/2015. Đến nay, sau hơn 03 năm thực hiện, được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các Bộ ngành trung ương, ngành giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Việc huy động nguồn lực cho đầu tư mới, cải tạo, nâng cấp hạ tầng giao thông, nhất là đường bộ thu được kết quả quan trọng như: Tuyến cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn (đoạn Hà Nội - Bắc Giang đã hoàn thành đầu tư và đưa vào khai thác sử dụng năm 2016; đoạn Bắc Giang - Lạng Sơn đang tập trung thi công, dự kiến hoàn thành trong năm 2019); một số tuyến đường giao thông quan trọng đã được đầu tư: ĐT 290, ĐT295, đường vành đai IV (Hà Nội) địa phận tỉnh Bắc Giang, đường nối ĐT 293 đến cảng Mỹ An đang được đầu tư, thi công phần đầu hoàn thành vào năm 2020...; một số công trình cầu quan trọng cũng đã được đầu tư xây dựng mới như cầu Đồng Sơn, cầu Trần Quang Khải...

Trong giai đoạn này, Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030 và Kết luận số 43-KL/TU ngày 11/5/2017; Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 quy định chính sách hỗ trợ cứng hóa đường trục thôn, đường liên thôn và đường nội đồng gắn với giao thông liên thôn trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2017-2021 và Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017, đã góp phần thực hiện nhiều mục tiêu của quy hoạch như thu hút vốn đầu tư, nâng cao chất lượng GTNT, hạ tầng giao thông đường thủy nội địa được quy hoạch thêm nhiều cảng và thu hút được nhà đầu tư.... chất lượng vận tải ngày một nâng cao, bước đầu đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, đảm bảo ATGT, nâng cao đời sống nhân dân, góp phần xóa đói giảm nghèo.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện quy hoạch giao thông vận tải của tỉnh vẫn còn một số hạn chế đó là: Chưa dự báo, đánh giá chính xác việc gia tăng mật độ giao thông đường bộ và tốc độ phát triển đô thị, khu cụm công nghiệp và dịch vụ, nên quy mô các tuyến đường nhỏ, chủ yếu là đường cấp IV, cấp V chưa đáp ứng được yêu cầu hiện tại và tương lai: giao thông đi lại, kết nối giữa các vùng trong và ngoài tỉnh còn hạn chế, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và của tỉnh. Một số trục giao thông quan trọng của tỉnh như QL31, QL37 đoạn Kép- ngã tư Thân - cầu Cẩm lý, QL17, ĐT292, ĐT294, ĐT289,... chưa được đầu tư; việc nâng cấp các tuyến đường huyện lên đường tỉnh, mở mới các tuyến đường tỉnh thực hiện chưa được nhiều dẫn đến khả năng kết nối giữa hệ

thông đường xã, đường huyện, đường tỉnh với quốc lộ còn hạn chế. Đối với đường giao thông nông thôn (đường huyện, đường xã) cơ bản được quan tâm cứng hóa, tuy nhiên cấp hạng còn thấp. Hệ thống đường thủy nội địa chưa thực sự phát huy thế mạnh của tỉnh, nhiều tuyến sông đã được nạo vét, nhưng khả năng tiếp cận, kết nối giữa đường bộ tới các bến đường thủy nội địa còn hạn chế.

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế trên, phù hợp với chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và tình hình thực tế của tỉnh Bắc Giang trong thời gian tới, nhằm đảm bảo yêu cầu đầu tư các công trình giao thông và thu hút đầu tư trong thời gian tới, thực hiện thắng lợi Nghị quyết 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 của Tỉnh ủy, việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 là cần thiết, để làm cơ sở triển khai thực hiện đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế, các quy định hiện hành.

2. Nội dung điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phát triển giao thông vận tải đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030

2.1. Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đến năm 2020

2.1.1. Đường bộ:

a) Quốc lộ, cao tốc:

- Quốc lộ 17: Điều chỉnh cục bộ hướng tuyến đoạn Km72+800 - Km 74+400 theo hướng mới đi thẳng nối trực tiếp từ Km72+800 - Km 74+ 400 (không sử dụng đoạn tuyến đường cũ).

- Tuyến kết nối cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn và Hà Nội - Thái Nguyên: Điều chỉnh thành tuyến kết nối cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên với QL37.

b) Đường tỉnh: Các tuyến đường tỉnh hiện có.

- ĐT298, ĐT292, ĐT290: Điều chỉnh quy mô từ cấp IV lên cấp III;

- ĐT 299: Điều chỉnh quy mô đoạn QL31 (Thái Đào)- Neo từ cấp IV lên cấp III, chiều dài 11,7 Km; bổ sung cầu Đồng Việt kết nối sang tỉnh Hải Dương.

- ĐT 289: Điều chỉnh quy mô đoạn Chũ - Khuôn Thần từ cấp IV lên cấp III, chiều dài 9,7 Km; bổ sung cầu Chũ mới.

- Đường tỉnh 288: Điều chỉnh quy mô đoạn Thăng - Gầm từ cấp IV lên cấp III, chiều dài 8 Km.

- Đường vành đai IV: Điều chỉnh giai đoạn thực hiện cầu vượt QL1 kết nối với khu công nghiệp Quang Châu từ sau năm 2020 về trước năm 2020; điều chỉnh hướng tuyến đoạn cuối tuyến đi qua Xuân Cẩm, kết nối với nút giao Bắc Phú, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

c) Mở mới tuyến: Ngoài các tuyến nằm trong quy hoạch, thực hiện bổ sung 07 tuyến mới, gồm:

- Tuyến Cảnh Thụy-Nham Sơn- Yên Lư, huyện Yên Dũng (điểm đầu giao

QUỐC
SỞ
KHOA
HỌC
VÀ
CÔNG
NHIỆP
H. BẮC

ĐT 299 (ĐT293 cũ tại Km 14+450)) kết nối với đường khu công nghiệp Vân Trung, chiều dài 17 Km, quy mô cấp III;

- Tuyến kết nối QL31 (Km12+471)- ĐT 293 Lục Nam (Km13+700), dài 3,5 Km, quy mô cấp III;

- Tuyến kết nối ĐT 296 (Km 8+470) đến đường vành đai IV huyện Hiệp Hòa (Km 18+545), chiều dài 7,6 Km, quy mô cấp IV;

- Tuyến Dương Đức- Nghĩa Hưng - Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang kết nối ĐT 292 và ĐT 295 (giao với ĐT 292 tại Km 6+120), chiều dài 11 Km, quy mô cấp III.

- Tuyến kết nối ĐT 298 đến đường vành đai IV (qua địa bàn các xã: Hoàng Ninh, Quảng Minh, Trung Sơn), huyện Việt Yên, chiều dài 7 Km, quy mô cấp III.

- Điều chỉnh tuyến Tam Dị- Đông Hưng (Lục Nam)- Chũ (Lục Ngạn) thành tuyến Tam Dị-Đông Hưng (Lục Nam)-Quý Sơn-Hồng Giang (Lục Ngạn), chiều dài 36 Km, quy mô cấp III.

- Tuyến kết nối ĐT 293-Cảng Mỹ An-QL31, huyện Lục Nam và huyện Lục Ngạn, chiều dài 10 Km, quy mô cấp III và xây dựng cầu mới vượt sông Lục Nam.

d) Giao thông nông thôn: Điều chỉnh tăng tỉ lệ cứng hóa (do hiện nay đã thực hiện vượt dự kiến theo quy hoạch tại Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 28/7/2015), cụ thể đến năm 2020: Điều chỉnh tăng tỉ lệ cứng hóa mặt đường huyện từ 87-90% đạt 100%; điều chỉnh tăng tỉ lệ cứng hóa mặt đường xã từ 58,5-65% đạt 70%; nâng cấp đường thôn, bản đạt tiêu chuẩn GTNT loại B, cứng hoá mặt đường từ 55-60% đạt 75- 80%.

2.1.2. Đường thủy nội địa:

a) Cảng đường thủy nội địa: Thực hiện theo QĐ 1112/QĐ- BGTVT ngày 26/4/2013 của Bộ GTVT và Quyết định số 765/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh phê duyệt đề án phát triển cảng, bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020, bổ sung danh mục cảng vào quy hoạch gồm:

- Cảng chuyên dùng: Cảng Mỹ An; cảng xăng dầu Quang Châu; cảng Thạch Bàn; cảng Tân Tiến; cảng Trí Yên; cảng Hòa Phú; cảng Hợp Thịnh; cảng Khám Lạng; cảng Yên Lư.

- Cảng hành khách: Cảng Chùa Vĩnh Nghiêm.

b) Xây dựng tuyến đường kết nối giữa cảng với đường bộ: Đường kết nối cảng Đồng Sơn với QL1; tuyến đường từ cảng Quang Châu với khu công nghiệp Quang Châu và QL1; tuyến kết nối ĐT 293 đến cảng Tân Tiến; tuyến kết nối QL17 với cảng Thạch Bàn.

2.2. Điều chỉnh Quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2021-2030

a) Các tuyến đường tỉnh hiện có:

- Đường tỉnh 288: Điều chỉnh cắt giảm 1,5 Km đầu tuyến về đường huyện quản lý; bổ sung 1,5 Km từ điểm đầu nhánh 3 đường Vành đai IV đến đê sông Cầu quy mô cấp III; bổ sung 01 cầu vượt sông Cầu.

- Đường tỉnh 293: Điều chỉnh quy mô đoạn thành phố Bắc Giang- QL37, chiều dài 20 Km từ cấp III lên cấp II.

- Đường tỉnh 298B: Điều chỉnh chuyển toàn bộ ĐT 298B hiện trạng thành đường huyện. ĐT 298B mới bắt đầu từ ĐT 295B (Hồng Thái)- ĐT 298 (Km 14+200)- QL37 (Km 77+200) - Chùa Bồ Đà và kết thúc tại đê sông Cầu, chiều dài 14,5 Km, quy mô cấp III; xây dựng cầu vượt sông Cầu.

- Đường tỉnh 299B: Điều chỉnh điểm cuối từ nút giao tuyến nhánh 1-ĐT 293 về công UBND xã Trí Yên.

b) Quy hoạch đường tỉnh, gồm 07 tuyến:

- Tuyến Tam Di- Đông Hưng- Quý Sơn- Hồng Giang, chiều dài 36 Km, quy mô cấp III;

- Tuyến kết nối từ khu Khuôn Thần, huyện Lục Ngạn với cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, chiều dài 10 Km, quy mô cấp IV;

- Tuyến QL31- Hồ Suối Nứa- Đông Hưng, huyện Lục Nam kết nối tỉnh Lạng Sơn, chiều dài 7 Km, quy mô cấp III;

- Tuyến Cảnh Thụy- Nham Sơn- Yên Lư, huyện Yên Dũng (điểm đầu giao ĐT 299 (ĐT293 cũ tại Km 14+450)) kết nối với đường khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên, chiều dài 17 Km, quy mô cấp III;

- Tuyến Mục - Đèo Kiếm, huyện Sơn Động kết nối với tỉnh Quảng Ninh, chiều dài tuyến 11 Km, quy mô cấp IV.

- Tuyến kết nối ĐT 293- cảng Mỹ An - QL31, huyện Lục Nam và Lục Ngạn, chiều dài 10 km, quy mô cấp III và xây dựng cầu mới vượt sông Lục Nam.

- Đường gom hai bên cao tốc Hà Nội-Bắc Giang (đi qua các huyện: Việt Yên, Yên Dũng, Lạng Giang và thành phố Bắc Giang), chiều dài 78 Km, quy mô cấp III.

c) Bổ sung quy hoạch mở mới tuyến, gồm 03 tuyến:

- Tuyến Hồ Suối Nứa- ĐT 289 huyện Lục Nam, chiều dài 10 Km, quy mô cấp III;

- Tuyến tránh thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa từ Lương Phong (Km 87+600 QL37) đến Hoàng An (Km 94, QL37), chiều dài 7,6 Km, quy mô cấp III;

- Tuyến kết nối ĐT 294 đến QL37 (qua địa bàn các xã: Đại Hóa, Song Vân, Ngọc Vân, huyện Tân Yên các xã: Thượng Lan, Việt Tiến, huyện Việt Yên), chiều dài 16 Km, quy mô cấp III.

d) Bổ sung đường huyện do cấp tỉnh quản lý, gồm 02 tuyến:

- Tuyến Liên Chung-Việt Lập- Ngọc Lý, huyện Tân Yên, chiều dài 19,9 Km;



- Tuyến Bỉ (Ngọc Thiện) - Thượng Lan- QL37 (Quán Rãnh), chiều dài 7,1 Km.
- e) Điều chỉnh bỏ đường huyện do cấp tỉnh quản lý, gồm 02 tuyến:
 - Tuyến Kế, thành phố Bắc Giang- Hương Gián, huyện Yên Dũng do chuyển về đường đô thị.
 - Tuyến Làng Tự (QL37)- Dương Huy do nằm trùng với ĐT 298B mới.

3. Nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2018-2020

3.1. Tổng vốn đầu tư: Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư XDCB kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy giai đoạn 2018- 2020 khoảng 14.261 tỷ đồng, trong đó: Đường bộ 9.461 tỷ đồng; giao thông nông thôn 4.200 tỷ đồng; bảo trì đường bộ 100 tỷ đồng; cảng đường thủy 500 tỷ đồng.

3.2. Nguồn vốn đầu tư: Vốn đầu tư công, đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP), vốn doanh nghiệp và vốn xã hội hóa khoảng 14.261 tỷ đồng, trong đó: Vốn ngân sách nhà nước 5.250 tỷ đồng; vốn BOT 3.350 tỷ đồng; vốn BT 2.661 tỷ đồng; vốn doanh nghiệp 500 tỷ đồng; vốn nhân dân đóng góp 2.500 tỷ đồng.

4. Nhu cầu sử dụng đất cần bổ sung cho các công trình, dự án của kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2018-2020 (chưa bao gồm đất bến bãi và hành lang giao thông) khoảng 1.300,5 ha.

5. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 của UBND tỉnh.

(Có hồ sơ Báo cáo điều chỉnh, bổ sung cục bộ Quy hoạch kèm theo)

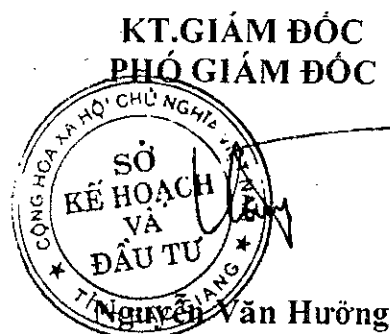
Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo và đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua "Điều chỉnh, bổ sung cục bộ quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030" để làm cơ sở cho việc triển khai, thực hiện các dự án trong thời gian tới. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPUBND tỉnh;
- Lưu: KTN, VT.

Bản điện tử:

- Sở GTVT;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng: TH-QH, ĐTTĐ&GSDT.



TỈNH ỦY BẮC GIANG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*
Số 122-KL/TU

Bắc Giang ngày 01 tháng 10 năm 2018

KẾT LUẬN
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
về một số nhiệm vụ trọng tâm trong quý IV/2018 và thời gian tiếp theo

Tại Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức ngày 26/9/2018, sau khi nghe báo cáo của Ban cán sự đảng UBND tỉnh (số 81/BC-UBND ngày 21/9/2018 về tình hình phát triển kinh tế - xã hội 9 tháng đầu năm và nhiệm vụ quý IV/2018; số 162-BC/BCSD ngày 21/9/2018 về tình hình thực hiện các dự án quy mô lớn, trọng điểm trên địa bàn tỉnh đến quý III/2018); Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thảo luận và kết luận một số nhiệm vụ trọng tâm trong quý IV/2018 và thời gian tiếp theo như sau:

1. Các cấp, các ngành rà soát chương trình, kế hoạch công tác năm 2018 và tập trung cao lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp, phấn đấu hoàn thành toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Làm tốt công tác chuẩn bị kỳ họp HĐND các cấp vào tháng 12/2018. Tiến hành xây dựng kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm năm 2019 với quyết tâm đến ngày 31/12/2019 hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu chủ yếu của nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2015-2020; trong đó, dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2019 phải được thẩm định chặt chẽ, triệt để tiết kiệm, hạn chế tối đa chi sửa chữa, kiên quyết cắt giảm các nhiệm vụ chi không cần thiết. Đồng thời, thực hiện tốt Công văn số 1383-CV/TU ngày 20/9/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Đại hội XVIII của Đảng bộ tỉnh.

Cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là người đứng đầu phải sâu sát cơ sở, nắm chắc những khó khăn, vướng mắc, những vấn đề bức xúc, nổi cộm và kịp thời chủ trì xử lý theo thẩm quyền với thái độ rõ ràng và tinh thần dám làm, dám chịu trách nhiệm, không né tránh, đùn đẩy cho cấp dưới, hạn chế họp, bàn liên ngành. Các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh phải bám sát diễn biến tình hình trong nước và quốc tế có liên quan, nâng cao năng lực dự báo, chủ động nghiên cứu, đề xuất với Tỉnh ủy, UBND tỉnh những chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo, cơ chế, chính sách phù hợp và khuyến nghị đối với người dân, doanh nghiệp.

2. Trên cơ sở Kế hoạch chiến lược phát triển công nghiệp đến năm 2030 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo UBND các huyện, thành phố phối hợp chặt chẽ với cơ quan chuyên môn của tỉnh tiến hành rà soát, điều chỉnh các quy hoạch có liên quan theo định hướng mở rộng không gian phát triển các khu, cụm công nghiệp, đầu tư hệ thống hạ tầng bên ngoài hàng rào khu, cụm công nghiệp và tăng cường quản lý theo quy hoạch. Xác định rõ quan điểm về thu hút đầu tư (ngành nghề, lĩnh vực,...) và bản đồ hóa, công bố công khai. Rà soát lại chức năng, nhiệm vụ, phân công, phân cấp trong lãnh đạo UBND tỉnh và các cơ quan thuộc UBND tỉnh, các địa phương trong việc cấp phép, quản lý các dự án đầu tư trên địa bàn. Nghiên cứu có chính sách đối với người dân trong vùng quy hoạch phát triển công nghiệp.

Các cấp, các ngành tiếp tục quan tâm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xúc tiến đầu tư; đề cao vai trò tiên phong, thái độ thân thiện của cán bộ lãnh đạo quản lý, nhất là người đứng đầu đối với nhà đầu tư. UBND tỉnh khẩn trương hoàn thành việc rà soát các dự án đã được chấp thuận đầu tư, cho thuê đất trên địa bàn tỉnh và có thái độ, biện pháp xử lý đối với các dự án chậm tiến độ, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy *trong tháng 10/2018*.

3. Rà soát lại quy hoạch phát triển nông nghiệp theo hướng hình thành các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh, gắn với chế biến, tiêu thụ, có sự tham gia và liên kết chặt chẽ của các doanh nghiệp, hợp tác xã để có chính sách đầu tư thỏa đáng, trọng tâm. Hướng mạnh sản xuất ứng dụng công nghệ cao, theo tiêu chuẩn, tạo ra các sản phẩm cạnh tranh đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

4. UBND tỉnh và các huyện, thành phố rà soát điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển giao thông (cả đường bộ, đường thủy nội địa, xây mới một số tuyến kết nối giữ các khu công nghiệp và khu đô thị) để có phương án đầu tư, thu hút đầu tư.

UBND tỉnh có văn bản hướng dẫn để thống nhất nhận thức và thực hiện chuẩn bị các dự án đầu tư công sẽ triển khai trong thời gian tới theo tinh thần Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ. Khẩn trương triển khai các dự án đầu tư theo hình thức xây dựng - chuyên giao (BT) đã được UBND tỉnh quyết định chủ trương theo tinh thần Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh. Nghiên cứu biện pháp tháo gỡ khó khăn trong việc thanh toán dự án cầu Đồng Sơn và đường dẫn lên cầu theo hình thức BT.

UBND tỉnh và các huyện, thành phố rà soát, thực hiện kế hoạch hóa phát triển đô thị theo lộ trình và có biện pháp quản lý thị trường bất động sản trên địa bàn. Nâng cao chất lượng và quản lý chặt chẽ việc lập, điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị. UBND tỉnh sớm ban hành Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc cảnh quan và thiết kế mẫu nhà ở trên một số tuyến đường chính trong các khu đô thị theo Thông báo số 416-TB/TU ngày 05/9/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Chuẩn bị tốt các điều kiện để mở rộng không gian đô thị trên cơ sở sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã.

5. UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn rà soát, báo cáo chi tiết tiến độ các dự án đầu tư công trọng điểm đến từng gói thầu (*giá trúng thầu, tỷ lệ giảm thầu, công tác giải phóng mặt bằng, tình hình đầu tư xây dựng, bố trí và giải ngân vốn,...*). Đánh giá khả năng thực hiện các nhiệm vụ chi trong dự toán 2018 của các cơ quan, đơn vị. Trên cơ sở đó, tiến hành điều chỉnh, bổ sung phù hợp, hạn chế tối đa chuyển nguồn, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy *trong tháng 10/2018*.

UBND tỉnh tập trung chỉ đạo các biện pháp xử lý nợ thuế và chống thất thu thuế. Chỉ đạo Cục Thuế tỉnh rà soát, phân tích, đánh giá những lĩnh vực có nguy cơ thất thu trên địa bàn tỉnh; từ đó bàn phương án xử lý từng vấn đề, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy *trong tháng 11/2018*.

6. Các cấp ủy, chính quyền tăng cường các giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo và đầu tư cho công tác quản lý đất đai, coi đây là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, liên tục, trọng tâm là công tác đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quản lý đội ngũ cán bộ địa chính các cấp; định kỳ đi cơ sở nắm tình hình đất đai và giao ban nghe báo cáo về công tác quản lý đất đai.

Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tập trung cao chỉ đạo công tác giải phóng mặt bằng các dự án. Đối với các dự án đã có chủ trương, kế hoạch đầu tư, UBND các huyện, thành phố tiến hành trước việc rà soát loại đất, chủ đất trên diện tích đất phải thu hồi, lường trước những khó khăn, vướng mắc để có phương án bồi thường giải phóng mặt bằng tổng thể, bố trí tái định cư (nếu cần) ngay từ đầu.

UBND tỉnh có văn bản nhắc nhở, yêu cầu các huyện, thành phố thực hiện nghiêm Quyết định số 869/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 về Quy định một số điểm cụ thể về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Đánh giá nhu cầu và bổ sung quy hoạch, bố trí quỹ đất cho hạ tầng xã hội xung quanh các khu công nghiệp, nhất là nhà ở công nhân. Rà soát, bổ sung Quy hoạch vùng nguyên liệu đất san lấp mặt bằng trên địa bàn tỉnh và điều chỉnh Quy định quản lý, khai thác, vận chuyển đất đắp nền công trình xây dựng, bảo đảm rút ngắn tối đa thời gian cấp phép khai thác; đồng thời, có cơ chế quản lý việc vận chuyển đất san lấp.

Các cấp, các ngành tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các chủ trương về bảo vệ môi trường, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt. Kiểm tra và có biện pháp giải quyết ngay vấn đề "nhà vệ sinh" trong các trường học, bệnh viện. Đẩy nhanh tiến độ thu hút đầu tư Dự án nhà máy xử lý rác thải tại xã Đa Mai, thành phố Bắc Giang; tiến hành giải phóng mặt bằng các địa điểm được quy hoạch xây dựng nhà máy xử lý rác thải tập trung tại huyện Lục Nam và huyện Hiệp Hòa. UBND cần ban cụ thể các giải pháp để xử lý rác thải trong thời gian chưa có nhà máy xử lý tập trung; sớm nghiên cứu, trình HĐND tỉnh chính sách hỗ trợ, khuyến khích hóa táng trên địa bàn tỉnh.

7. Tăng cường kiểm tra, có biện pháp quyết liệt để tăng số lượng doanh nghiệp và người lao động tham gia bảo BHXH, BHYT. Chuẩn bị tốt các điều kiện để ra quân tập trung vận động hộ gia đình tham gia BHYT vào tháng 11/2018.

8. Thường xuyên nắm chắc tình hình và lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo đảm an ninh, trật tự. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa lãnh đạo của cấp ủy, chỉ đạo của chính quyền, hoạt động của các cơ quan tư pháp và phong trào quần chúng với cơ chế tập thể trong đấu tranh, tố giác tội phạm, tệ nạn xã hội. Tăng cường các giải pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông, kiểm chế tai nạn giao thông. Chỉ đạo thực hiện tốt điển tập khu vực phòng thủ huyện Lục Nam năm 2018 theo kế hoạch.

9. Tập trung cao lãnh đạo, chỉ đạo nhiệm vụ sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan trong hệ thống chính trị, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo lộ trình đề ra trong Kế hoạch số 47-KH/TU ngày 30/5/2018, Kết luận số 105-KL/TU ngày 31/5/2018 và Kết luận số 116-KL/TU ngày 29/8/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Thường trực, ban thường vụ cấp ủy ngoài việc ban hành kế hoạch, đề án thực hiện cần thường xuyên nghe báo cáo tiến độ, nắm khó khăn, vướng mắc để kịp thời có xử lý hoặc báo cáo cấp trên nếu vượt thẩm quyền.

10. Các cấp ủy chỉ đạo thực hiện tốt Tháng cao điểm "Vi người nghèo" năm 2018. Phấn đấu năm 2019 xóa xong nhà tạm, nhà dột nát cho người nghèo; hoàn thành hỗ trợ nhà ở cho người có công. Các trường hợp người có công do rà soát thiếu và chưa được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ thì UBND cấp huyện bố trí ngân sách hỗ trợ và tiến hành hỗ trợ đồng thời với những người có công đã được phê duyệt, không được phân biệt hay chia giai đoạn.

Các cấp ủy chỉ đạo thực hiện tốt Tháng Dân vận năm 2018. Thực hiện nghiêm Công văn số 1386-CV/TU ngày 21/9/2018 về tăng cường và nâng cao chất lượng tiếp xúc đối thoại với cán bộ, đảng viên và Công văn số 1377-CV/TU ngày 18/9/2018 về đi thực tế nắm tình hình ở cơ sở của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Chỉ đạo thực hiện tốt việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình; đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức và phân loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên năm 2018. Nghiêm túc khắc phục bệnh "thành tích" trong đánh giá. Đối với việc tổng kết công tác năm 2018 của các ngành, địa phương, yêu cầu tổ chức gọn nhẹ, thiết thực.

Giao Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kết luận này; báo cáo Thường trực Tỉnh ủy theo quy định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- UBND các huyện, thành phố,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ



Bùi Văn Hải

TỈNH ỦY BẮC GIANG

*

Số 575-TB/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Bắc Giang, ngày 04 tháng 6 năm 2019

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY
về chủ trương giao Công ty cổ phần KCN Sài Gòn - Bắc Giang
khảo sát mở rộng KCN Quang Châu

Ngày 03/6/2019, Thường trực Tỉnh ủy tổ chức giao ban theo Quy chế làm việc. Sau khi nghe UBND tỉnh báo cáo, xin ý kiến chủ trương cho phép Công ty cổ phần KCN Sài Gòn - Bắc Giang nghiên cứu khảo sát mở rộng KCN Quang Châu; Thường trực Tỉnh ủy thảo luận và kết luận như sau:

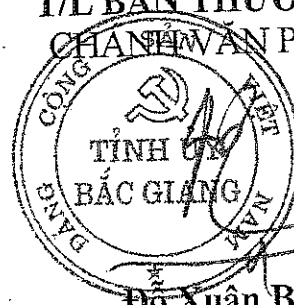
- Đồng ý chủ trương cho phép Công ty cổ phần KCN Sài Gòn - Bắc Giang nghiên cứu khảo sát mở rộng KCN Quang Châu với diện tích khoảng 90 ha về phía Nam (gần đê sông Cầu), theo báo cáo của Ban Quản lý các khu công nghiệp và Chủ tịch UBND tỉnh tại Văn bản số 584/KCN-TNMT ngày 27/5/2019. UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên và Công ty cổ phần KCN Sài Gòn - Bắc Giang thực hiện đúng các quy trình, thủ tục khảo sát mở rộng KCN Quang Châu theo quy định.

- Đề nghị UBND tỉnh: (1) Chỉ đạo UBND huyện Việt Yên và Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh sớm xem xét đề nghị của Công ty TNHH FuGiang tại Công văn số 41/0519/CVCD-FUG ngày 27/5/2019 về việc giải phóng mặt bằng từ tường rào Khu công nghiệp Vân Trung đến mép đường gom QL1A. (2) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn, địa phương liên quan nghiên cứu phương án quy hoạch giao thông kết nối đường vành đai IV với QL17 đi Quế Võ, Bắc Ninh và cập nhật vào Điều chỉnh, bổ sung cục bộ Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trước khi phê duyệt. (3) Chủ động làm việc, đề nghị cơ quan Trung ương liên quan chấp thuận vị trí đầu nối giao thông phục vụ hoạt động của Khu công nghiệp Vân Trung (phần giao cho Công ty cổ phần S&G làm chủ đầu tư). (4) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn khảo sát, có giải pháp an toàn, hợp lý để xe ô tô quay đầu sát chân cầu vượt đường cao tốc Hà Nội - Bắc Giang trên QL37 hoặc từ đường gom cao tốc lên cầu vượt (tại cổng Ban Quản lý các KCN tỉnh); xử lý các góc cua từ đường gom cao tốc Hà Nội - Bắc Giang rẽ vào QL17 và QL37 tạo thuận lợi cho lưu thông các xe tải trọng lớn. Báo cáo Thường trực Tỉnh ủy *trong tháng 6/2019*.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy,
- Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/L BAN THƯỜNG VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG



Đỗ Xuân Bình

TỈNH ỦY BẮC GIANG

*
Số 568-TB/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Bắc Giang, ngày 29 tháng 5 năm 2019

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY
tại phiên giao ban ngày 27/5/2019

Ngày 27/5/2019, Thường trực Tỉnh ủy tổ chức giao ban theo Quy chế làm việc. Sau khi nghe UBND tỉnh báo cáo, xin ý kiến một số nội dung; Thường trực Tỉnh ủy thảo luận và kết luận như sau:

1. Chủ trương chấp thuận đầu tư Dự án "Nhà máy Lucky Dragon Việt Nam" và Dự án "Nhà máy linh kiện điện tử TS Vina".

Đồng ý chủ trương chấp thuận đầu tư Dự án "Nhà máy Lucky Dragon Việt Nam" của Nhà đầu tư "LUCKY DRAGON ENTERPRISE GROUP LIMETED" và Dự án "Nhà máy linh kiện điện tử TS Vina" của Công ty TNHH MTV T/S Vina, theo báo cáo của Ban Quản lý Các khu công nghiệp tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh tại Tờ trình số 23/TTr-KCN ngày 23/5/2019 và Tờ trình số 24/TTr-KCN ngày 27/5/2019. UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn, Ban Quản lý Các khu công nghiệp tỉnh và Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan theo quy định.

Từ tháng 06/2019, UBND tỉnh quy định chế độ báo cáo hằng quý của nhà đầu tư về tiến độ triển khai dự án đã được chấp thuận đầu tư, kết quả sản xuất kinh doanh nếu dự án đã đi vào hoạt động, vướng mắc khó khăn (nếu có), gửi trong tuần đầu của quý sau về Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh (với các dự án trong khu công nghiệp), về Sở Kế hoạch và Đầu tư (với các dự án bên ngoài khu công nghiệp). Trên cơ sở đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, tổng hợp chung tình hình thực hiện các dự án đầu tư toàn tỉnh, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh và gửi cơ quan quản lý nhà nước có liên quan nắm, phối hợp công tác. Đồng thời, tiếp tục chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh thực hiện nghiêm việc lấy ý kiến trước khi xem xét chấp thuận đầu tư và thông báo sau khi chấp thuận đầu tư gửi các cơ quan quản lý nhà nước, địa phương liên quan.

2. Chủ trương khảo sát địa điểm lập quy hoạch và thực hiện Dự án đầu tư xây dựng, quản lý, kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ tại xã Châu Minh và xã Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa; khảo sát địa điểm lập quy hoạch Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ tại xã Yên Sơn, Bắc Lũng và xã Lau Mấu, huyện Lục Nam

- Nhất trí chủ trương cho phép Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng HIGHTECH tự bố trí kinh phí khảo sát địa điểm để lập quy hoạch Khu

công nghiệp - đô thị - dịch vụ tại xã Châu Minh và xã Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa, theo báo cáo của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh tại Văn bản số 543/KCN-TNMT ngày 20/5/2019.

- Đồng ý chủ trương cho phép Công ty cổ phần Green i-Park tự bố trí kinh phí khảo sát địa điểm để lập quy hoạch Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ tại xã Yên Sơn, Bắc Lũng và xã Lan Mẫu, huyện Lục Nam, theo báo cáo của Ban Quản lý Các khu công nghiệp tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh tại Văn bản số 546/KCN-TNMT ngày 21/5/2019.

UBND tỉnh chỉ đạo UBND các huyện có liên quan phối hợp với nhà đầu tư sớm xác định cụ thể vị trí, ranh giới, diện tích khu đất và có văn bản thông báo công khai kèm theo trích lục bản đồ gửi đến cấp ủy, chính quyền cơ sở để biết, quản lý chặt chẽ đất đai, đồng thời tiến hành cắm một số mốc giới tại ranh giới vùng khảo sát lập quy hoạch. Yêu cầu nhà đầu tư chú ý quy hoạch hạ tầng đồng bộ về giao thông kết nối, hệ thống hạ tầng thoát nước mặt và nước thải công nghiệp, hệ thống điện, nước, hạ tầng xã hội và dịch vụ;... để làm căn cứ quản lý lâu dài. Sau khi khảo sát, yêu cầu nhà đầu tư báo cáo phương án quy hoạch với UBND tỉnh, Thường trực Tỉnh ủy để cho ý kiến trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch và triển khai các bước tiếp theo.

3. Chủ trương sáp nhập một số thôn trên địa bàn tỉnh

Đồng ý việc bổ sung danh sách sáp nhập thôn trên địa bàn tỉnh, theo báo cáo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Văn bản số 1722/TTr-UBND ngày 22/5/2019.

Trong tháng 6/2019, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nội vụ nắm tình hình triển khai Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố tại một số tỉnh, thành phố; trên cơ sở đó, tham mưu với HĐND, UBND tỉnh sửa đổi các quy định có liên quan cho phù hợp (nếu cần).

4. Chủ trương điều chỉnh, bổ sung cục bộ Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

Đồng ý chủ trương điều chỉnh, bổ sung cục bộ Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, theo báo cáo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Báo cáo số 78/BC-UBND ngày 28/5/2019.

Yêu cầu bổ sung vào Quy hoạch điều chỉnh nội dung: Quy hoạch mở rộng tuyến đường tỉnh 296 (đoạn từ thị trấn Thắng đi cầu Vát) quy mô từ cấp IV lên cấp III; quy hoạch mở rộng đường tỉnh 293 phù hợp yêu cầu phát triển sau này.

5. Cán bộ xuất cảnh ra nước ngoài

Thường trực Tỉnh ủy đồng ý đề các đồng chí: Trần Minh Hà - Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghỉ phép, đi Singapore và Malaysia từ ngày 15/7 đến ngày 22/7/2019; Trần Vũ Thông - Phó trưởng Ban Quản lý Các khu công

nghiệp tinh nghỉ phép, đi một số nước Châu Âu từ ngày 08/7 đến ngày 18/7/2019. Kinh phí do các cá nhân tự túc.

Yêu cầu các đồng chí chấp hành nghiêm quy định của Đảng, Nhà nước về xuất cảnh ra nước ngoài và pháp luật của nước sở tại khi ở nước ngoài./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy,
- Ban cán sự đảng UBND tỉnh,
- UBND tỉnh,
- Văn phòng UBND tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/L BAN THƯỜNG VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG



Đỗ Xuân Bình

